

tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • số 6 • giá 15 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh viết trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

ĐẤU TRANH VĂN HÓA VỚI AI ?

NHỮNG NGƯỜI LÀM VĂN HỌC, nghệ thuật theo chủ trương "Viễn mơ" và những kẻ quen xem Văn nghệ là một món hàng buôn bán chắc chắn sẽ không bao giờ bận tâm đến câu hỏi này. Nhưng những ai từng biết rằng Cộng sản là gì và lưu tâm đến sự mất còn của miền Nam hẳn phải đặt thành vấn đề. Vấn đề này, chúng tôi nghĩ, cũng là vấn đề hàng đầu đặt ra cho Hội Đồng Văn Hóa sắp thành hình.

Không nói thì ai cũng biết rằng: Khi chiến tranh quân sự chấm dứt, Cộng sản sẽ chọn súng để đấu tranh chính trị. Cán bộ văn hóa của họ sẽ yểm trợ cuộc đấu tranh chính trị bằng hoạt động văn học, nghệ thuật. Họ đã làm công việc này trong thời gian qua những khi hòa bình lập lại, chắc chắn những hoạt động này sẽ được tăng cường mạnh mẽ hơn. Ta đã từng biết Cộng sản đặt nặng vấn đề tận dụng văn học, nghệ thuật để cổ vũ tinh thần yêu nước, chống đế quốc, bênh vực cho những hành động phá hoại, đâm máu của họ. Khi cướp được chính quyền họ sẽ dẹp sang một bên những gì gọi là dân tộc, giải phóng, yêu nước để tuyên truyền cho "xã hội chủ nghĩa".

Ở miền Nam, nơi họ chưa cướp được chính quyền, văn học, nghệ thuật của họ tạm thời được khoác bộ mặt dân tộc, yêu nước, giải phóng. Họ lợi dụng những thủ thuật này để khơi dậy lòng căm thù, khích động tự ái dân tộc; có vô phong trào "chống Mỹ cứu nước". Họ chưa dám lời mặt Cộng sản qua thơ, văn, báo chí, tranh ảnh, kịch bản, sách truyện. Hãy lợi dụng chiêu bài Dân tộc trước đã. Thành thạo họ cũng tuyên truyền đấu tranh giai cấp bằng những vở kịch, tuồng cải lương đưa ra những cảnh người giàu bóc lột, ngược đãi người nghèo, kẻ nghèo thì bao giờ cũng ngay thẳng, thuần lương và yêu nước triệt để. (Những vở tuồng này một đôi lần đã qua mắt được ông "Phối hợp nghệ thuật" của ta để diễn cho công chúng Saigon xem vài đêm chơi). Bài ca, sách truyện của họ thì thường nhằm phát triển mạnh mẽ tinh thần dân tộc (tập 10 bài sử ca do nhà xuất bản Đồ Chiểu xuất bản, có một đạo thấy bày bán công khai tại Saigon) Đồ Chiểu là một nhà thơ, vừa là một nhà cách mạng chống xâm lăng nổi tiếng của miền Nam, được mọi người mến mộ. Chỉ những người tinh tế mới nhận thấy cái giá của văn học, nghệ thuật Cộng sản còn quân chúng vốn thiên về tình cảm, không quen lý luận, rất dễ mắc lừa. Bao nhiêu người đã chết oan uổng vì bị xi gạt bởi những danh từ ngọt như nước mía: Giải phóng dân tộc, miền Nam, tuyến đầu Tổ quốc; đồng bào miền Nam ruột thịt, Bến Tre trong Nam kết nghĩa với Nam Định ngoài Bắc v.v...

Văn Học nghệ thuật của Cộng sản không phải là thứ văn nghệ để mà... chơi. Trái lại, từng giờ, từng phút, họ chĩa mũi nhọn vào ta, đánh ta bằng

những thứ vũ khí tinh thần độc hại. Sách truyện, báo chí, ca vè, phim ảnh trên đài phát thanh, trên sân khấu ở nông thôn, không bao giờ họ bỏ qua việc đả kích, tuyên truyền, lôi kéo quần chúng. Cũng không bao giờ họ xài một bài hát, bài thơ nào gọi là đề... giải trí suông mà không nhắm đến một tác dụng nào đó.

Lẽ dĩ nhiên, văn nghệ Cộng sản, quá đặt nặng tính cách tuyên truyền, dễ khô khan, nhàm chán và người thức giả sẽ thấy ngay là họ bịp, họ xuyên tạc. Nhưng số người biết được chỉ là thiểu số so với đông đảo quần chúng bình dân, đồng bào nông thôn. Lớp người này, nếu không may là đối tượng của cán bộ văn nghệ Cộng sản, sẽ dễ dàng mắc phải bả ngay. Thử đưa ra một ví dụ: đồng bào đồng bào bình dân miền Nam vốn yêu mến, say mê những điệu dân ca, vọng cổ. Cộng sản lợi dụng điều đó để sáng tác những bài ca kêu gọi đấu tranh, đề cao người nghèo khổ, yêu nước, nổi lên chiến đấu chống cường quyền, bạo lực rồi chuyển cho những người hát dạo hát lên ở các bến xe, bến phà hoặc cho đám "nghệ nhân lưu động" đi phố biển khắp nông thôn để tác động tinh thần giới bình dân, lao động. Không cần kiểm chứng, ta cũng có thể biết rằng những hình thức văn nghệ như vậy rất có hiệu quả.

Đối đầu với chủ trương văn nghệ đó của kẻ thù, ta không thể đem cái chương văn nghệ viễn mơ, văn nghệ tự do phóng túng nặng tính cách du hí, xa rời thực tại, vô trách nhiệm để đấu với họ được. Đã đành văn nghệ chủ yếu là tự do, chúng ta may mắn sống ở vùng quốc gia, văn nghệ của ta muốn màu, muốn vẽ nhưng ở vào một tình thế đầu sôi, lửa bỏng như hôm nay, nếu vạn nhất mà Cộng sản thắng thế thì thật là khó mà muốn viết gì thì viết, muốn làm gì thì làm. Rồi những Mai Thảo, Nguyễn thị Hoàng, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Cung Trầm Tưởng, Cung tịch Biền, Đinh Cường, Nguyễn khai.v.v... của chúng ta không trước thì sau sẽ biến thành những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt.v.v... Tệ hơn, một số khác sẽ không được yên thân mà làm văn nghệ nữa, dù là văn nghệ theo đuổi, nịnh bợ Cộng sản như trường hợp một Ngọc Giao, một Nguyễn minh Lang ở lại Hà Nội với Cộng năm 1954. Ta sẽ đau lòng bao nhiêu nếu mai đây có những nhà thơ phải đi bán... lạc rang, những nhà văn phải đi làm thợ may để sống qua ngày.

Và những công trình trước tác, những văn nghệ phẩm muôn vẽ, muôn màu của chúng ta, vào một cái, sẽ cháy tiêu trong ngọn lửa độc tài của phe bên kia trong nháy mắt.

Viễn ảnh đó không phải là không đáng cho chúng ta giật mình!

KHỞI HÀNH

TÔ THÙY YÊN

ngọn gió
lạ thường
sẽ thổi tới

Một ngày ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Ngoài biển khơi trên lục địa
Sờ lên còn trũng cũng chẳng yên thân
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Quét ngã những bức tượng xô sập những đền đài

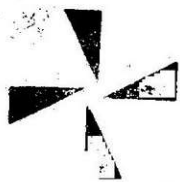
Tiếng hú chạy dài suốt lịch sử
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Xé rách một kỷ nguyên phân tán các dân tộc
Đề mọi người cảm lạnh ăn năn
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Dựng dậy những hồn ma đập vùi những kẻ sống
Chúng ta hiểu rằng mọi sự bắt đầu
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Trên mỗi ly vương của từng bờ thần kinh
Không còn ai trốn chạy
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Sườn núi rất đỏ đồng ruộng khô ran
Rời mặt đất cũng vô danh như biển cả
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Sạc mạt cháy bùng lên vùng khói cát
Đổ xuống trần gian và trí nhớ đời đời
Một ngày một ngày
Ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới

Thi sĩ
Hãy thắt giùm chúng ta lời nói chết
Như bài thai đồ giữa hư không.

ĐỌC TRONG SỐ NÀY:

nguyên
định
toàn

trần
văn
khả



Thái Công NGƯỜI VÀ VẬT

HIỆN TƯỢNG CON MA VÚ DÀI (1)

Gần nửa năm nay người ta ghi nhận được một hiện tượng ngộ nghĩnh : ma quỷ, chính khách, kẻ sát nhân, các lãnh tụ tôn giáo, những kẻ ngoại tình... tất cả đều được sắp đồng hàng trên các căn của những anh thơ kỳ lạ soạn. Xin nói ngay rằng sự bình đẳng này chỉ có giá trị thuần túy thương mại. Nghĩa là một cái tin quan trọng về chính trị cũng không ăn khách hơn chuyện con ma vú dài ; lời tố cáo của một vị đại diện tôn giáo buộc tội chính quyền bóp nghẹt tự do tín ngưỡng và dài dằng dặc của chính quyền có khi lại bị độc giả xếp lại để đọc sau thiên phóng đại tình cảm bí ai Hà —Lăng —Hồ !

AI muốn "địch" cái hiện tượng tượng này cách nào cũng được. Lỗi "địch" dễ nhất, giản dị nhất là phản quyết ngay một câu : "— Than ôi ! Báo chí xuống dốc. Từ câu than này đến quyết định "khép" cái tự do báo chí một tí li kê cũng không mấy xa. Việc làm này nhằm mục đích "đúng đắn hóa", "lành mạnh hóa" nghề làm báo cơ mà.

Người ta có thể khép bớt cái tự do bừa bãi lại, người ta có thể loại những chuyện con ma vú dài, con ma mặc hay không mặc xù chiêng.

Nhưng,

Điều bất hạnh là không có cách nào bắt được độc giả đọc bài diễn văn 8 điểm mà Tổng Thống Nixon trước cái tin một cô xén nửa đêm bị ông chủ đồ mừng chun vào.

Nói một cách khác cấm đăng chuyện nhằm chỉ là một biện pháp tiên cực, thứ biện pháp hạ sách không mấy kiên hiệu. Chưa được tận gốc căn bệnh thích đọc chuyện nhằm mới thật là đáng tay Hoa Đà, Biển Thước.

Theo y lý thuốc hay là như chần bệnh dùng. Trước khi chữa bệnh, ít nhất phải biết bệnh nhân đau ở chỗ nào. Thầy bà Cầu Bông không xác thuốc đó vào cái đầu ghê chốc của một chú bé đau bang.

Bác sĩ Phi Lip không ưa bấu vệt của cậu lẳng từ mắt bệnh kín mà chỉ cần chích thuốc trụ sinh.

Đã vậy, chúng ta thử tìm căn nguyên của chứng bệnh thích đọc chuyện ma vú dài, chuyện Hà Lăng Hồ, chuyện Kim Anh, Đặng Văn Chính... Thật ra thích đọc chuyện nhằm chưa phải là bệnh : đó chỉ là biến chứng của một thứ bệnh vô cùng trầm trọng : BỆNH KHỦNG HOẢNG TÍN NHIỆM.

Thiếu tin nhiệm, không còn tin tưởng được vào thực chất của những sự việc thật tồn, thật quan trọng thì làm gì còn giữ được mối quan tâm đối với những sự việc ấy nữa.

Quyền lực nào bắt được một bà nội trợ tin rằng đồng bạc VN đang lên giá khi chính bản thân bà vừa phải mua lít gạo hôm nay đắt hơn lít gạo hôm qua.

Ấy mới chỉ là chuyện nhỏ. Những chuyện lớn hơn có khác hơn không?

Căn bệnh đã trầm trọng như vậy thì việc chữa bệnh không nằm gọn trong phạm vi báo chí. Đó là trách nhiệm của tất cả những giới chức làm việc trên sự tin nhiệm của mọi người.

Xin xác nhận thêm và cũng là lặp lại đoạn đầu của bài này : sự khủng hoảng tín nhiệm đã lan ra khắp mọi bình diện chính trị, tôn giáo, kinh tế...

Bệnh khủng hoảng tín nhiệm không phải là thứ bệnh có thể chữa lành ngay đầu hôm sớm mai.

Những kẻ biết thả câu khi nước đục còn chờ gì nữa. Lúc này chính là thời đại hoàng kim của những ông Đạo nằm, đạo mò, của những ông thầy nước giếng, thầy nước mưa... Nhào vô kiếm ăn.

(1) Ký giả Lô Răng xuất ngoại, Thái Công viết thay một kỳ.

• LÊ HÀ NAM

THỜI SỰ nghe thuật

HẬU TRƯỞNG SÂN KHẤU KIỂM DUYỆT

Người ta không thể biết đến được từ trước đến nay, đã có bao nhiêu bàn thảo bị chôn vùi trong bóng tối, và cũng không biết bao nhiêu tác giả đã mai một với thời gian vì chán nản, thất vọng bởi cái gọi là kiểm duyệt. Nghĩa với những nhân danh to tát, ghê gớm, cái được gọi nôm na là kiểm duyệt đã làm thiệt hại không ít đến sự giàu có, phong phú của sinh hoạt văn nghệ xứ này.

Đề gọi là tổ chức lòng tương lân kể từ số này mỗi khi có một tác phẩm của anh em văn nghệ bị "bêu đầu", chúng tôi xin có một nén hương thấp lên thương xót cho những đứa con tinh thần xấu số đó. Kỳ này chúng tôi xin thấp hai nén hương cho hai thí phẩm, một là của "Hợp mặt của sáu người" và một là "Ngày hội mới".

— Cuộc Hợp Mặt Của Sáu Người là tựa đề chung của 6 tác giả Nguyễn Sa, Nhã Ca, Trần Đức Uyển, Đỗ Quý Toàn, Trần Dạ Từ và Trần Tuấn Kiệt. Tuyển tập thi ca này đã bị cấm phổ biến với lời phê "phản chiến".

— Ngày Hội Mới là tựa một thí phẩm của Ngô Kha đây là một bài thơ dài nói về hòa bình, ngợi ca hòa bình cùng những tình tự quê hương. Tập thơ này cũng bị kiểm duyệt cấm với lời phê "phản chiến".

Ồi phản chiến !Ồi vô luân !Ồi thiếu lành mạnh ! Chúng là gì mà gây oan nghiệt quá thế cho những công trình tìm óc của chúng ta.

Tuy nhiên, riêng người viết những giòng chữ này, cũng đồng ý rằng xã hội chúng ta hôm nay lành mạnh thế này, kỳ cương chúng ta chặt chẽ thế này, tất cả mọi thứ đều tốt đẹp, đều toàn thịnh toàn mỹ, mà mấy cái ông cái bà nhà văn dám viết

sai sự thực thì quả là không nên đáng cày mà còn đáng khiển trách nữa (!) Được thế là may rồi. Tự d rồi. Dân chủ rồi. Ở chế độ Cộng sản mà làm vậy là đi tù chứ được "vay" đâu.

TRẦN BÉ KÝ

VÀ ANH EM LÀN

GIÀ MẠO Ở CHỢ LỚN

Gần đây, thị trường tiêu thụ tranh và giới chơi tranh sành điệu xôn xao về cái tin tranh của Bé Ký (một nữ họa sĩ có tranh bán chạy nhất hiện nay) bị đồ lại và được tung ra từ Chợ Lớn tràn ngập đường phố Saigon.

Tình trạng giả mạo tranh Bé Ký cũng đã lan tràn tới Đà Nẵng, Qui Nhơn, Cam Ranh, những nơi có nhiều quân nhân ngoại quốc trú đóng.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng, tác nữ họa sĩ Bé Ký, thì sở dĩ Bé Ký phát giác ra tình trạng này nhờ có một số khách ngoại quốc quen chơi tranh của Bé Ký, đã đem đến cho nữ họa sĩ một số tranh mua ở các nơi và hỏi có phải là đúng của Bé Ký không (!) Chứng đó, Bé Ký mới ngã ngửa người ra, bởi tranh của Bé Ký chỉ bày bán trong các cuộc triển lãm và tại xưởng họa riêng mà thôi.

Cách đây không lâu, một chương trình văn học nghệ thuật trên đài phát thanh đã lên tiếng yêu cầu chấm dứt tình trạng bi đỗi này, và nữ họa sĩ Bé Ký cũng đã có nhờ tới giới hữu trách can thiệp, nhưng cho tới nay, không những chưa có kết quả mà nó lại còn lan tràn đi khắp nơi nữa.

Theo họa sĩ Hồ thành Đức (chồng của nữ họa sĩ Bé Ký) thì trung tâm sản xuất tranh giả mạo Bé Ký là Chợ Lớn. Nơi tập trung những người anh em ba Tàu, vua sản xuất đồ giả mạo.

Trước tình cảnh này, chúng ta chỉ còn nước kêu trời mà thôi.

Nhân tiện đây, nữ họa sĩ Bé Ký có nhờ chúng tôi gửi tới giới mộ điệu tranh của Bé Ký hãy giúp tác giả loại trừ bọn giả mạo bằng cách đừng bao giờ mua tranh Bé Ký ở ngoài đường dù bất cứ là ở đâu bán với giá nào mà hãy liên lạc thẳng với tác giả tại xưởng họa riêng của tác giả đặt tại đường Trương Tấn Bửu Saigon.

TÁC PHẨM MỚI TRONG TUẦN

Trong tuần này, khi gõ báo này tới tay độc giả, cũng là lúc mà những tác phẩm đáng chú ý sau đây, đã được bày bán tại các tiệm sách lớn trong toàn quốc, đó là các tác phẩm :

— Cánh cửa đêm thâu, truyện dài của Viên Linh do Nghĩa Thực xuất bản.

— Ngàn Cánh Hạc, giải Nobel văn chương 1968 của KAWABATA, bản dịch của Trùng Dương, suýt bị kiểm duyệt cấm phổ biến vì lý do vô luân, do nhà Trình Bày xuất bản.

— Vòng tay lửa II truyện dài trường thiên của Nguyễn Vũ do nhà Đại ngã xuất bản.

— Tìm hiểu phân tâm học do Vũ Đình Lưu dịch khảo, do Tủ Hộ xuất bản Gio ấn hành.

— Ngày Đó chúng mình yêu nhau, tập nhạc của Phạm Duy do nhà An Tiêm tái bản.

— Nhạc phẩm Nguyệt cầm và mắt biếc của Cung Tiến do nhà xuất bản Mạnh Phát ấn hành.

— Một ngày rồi thôi của Nguyễn t hị Hoàng do nhà Hoàng đồng Phương xuất bản.

TÚ KẾU

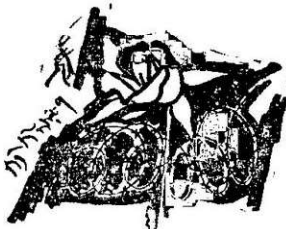
BỊ ĐÀO ĐÁ CẢM TÁC

Thiên hạ hay đầu to thất tình
Sục sôi tâm sự một bầu ninh !
Trái tim đau nhói còn in bóng
Khối óc ngu si vẫn gọi hình !

Lòng ngực bị thương mòn mỏi thờ
Mảnh hồn tan tác ngỡ ngang bình !
Trương tư tuy thế mà ghê nhĩ
Ruồi đậu lông nhoe cũng giết mình !

Giật mình ngỡ ngác vội nhìn quanh
Nào có ai đâu, lá rụng cành
Cứ ngỡ gót hồng ren rên tới
Càng nghe tim thắm bập bùng nhanh

Giờ com, gác ngoài ăn không đắng
Giấc ngủ, mê mang mộng chẳng thành
Ba chục tuổi đầu đào nó đá
Ôm đau thôi thếp sọt tơ mảnh !



ĐẶNG TRẦN HUÂN

KỶ NIỆM MỘ KIẾN TRÚC TÂN KỶ THÁP EIFFEL

Ngày 22-5-69, nhà cầm quyền thành phố Ba Lê đã tổ chức một cuộc tiếp tân đơn giản kỷ niệm đệ thập bát chu niên tháp Eiffel.

Thực ra tháp Eiffel đầy 80 tuổi nhằm ngày 15-5-69 nhưng không tổ chức kỷ niệm ngày đó vì trùng lễ thăng thiên sự số khách tham dự quá đông sẽ làm hư hại ngọn tháp già nua.

Nhân ngày kỷ niệm ngọn tháp đẹp và nổi tiếng thế giới này, người ta đã nhắc lại những kỷ niệm đau buồn khi mới khai sinh ra nó năm 1889, khi ấy nhân dân Ba Lê nhiều người đã chống lại dự án xây tháp Eiffel do tổng trưởng M. Lockroy đề ra. Năm mươi nhân vật có tên tuổi trong giới nghệ thuật đã ký tên vào một kiến nghị phản đối. Trong số này ta thấy có nhạc sĩ Charles Gounod, kiến trúc sư Garnier, họa sĩ Meissonnier các văn thi sĩ Alexandre Dumas, Francois Coppee, Victorien Sardou, Leconte de Lisle, Guy de Maupassant, Sully Prudhomme v.v..

Nhà văn J.K. Huysmans đã tuyên bố rằng tháp Eiffel giống như một viên thuốc dùng để nhét vào hậu môn.

Trong những kẻ thù của tháp Eiffel còn phải kể tới một số tín đồ công giáo. Họ cho rằng kiến trúc dựng ngao nghệ giữa trời là một sự thách đố vô lễ trước sự hùng vĩ của thiên nhiên. Họ cho rằng tháp giống như một dương vật khổng lồ.

Thời gian đi qua, tháp đã thọ 80 tuổi và một trong những kiến trúc nổi danh nhất hoàn vũ. Giá người ta cứ đại dốt ngớ theo những nhà văn chống đối thì đầu tháp đã thành linh.

Thế mới biết nếu cứ bảo thiên chức sáng suốt của nhà văn là hướng dẫn dư luận thì thái độ chống đối tháp Eiffel của "đấng" Alexandre Dumas F. Coppee, Guy de Maupassant v.v... thật là lão khoét.

Tuy nhiên có thể tha thứ cho văn hào J.K. Huysmans. Vì sau khi tuyên bố đã kích thích ít lâu, thì ông đổi ý tỏ vẻ hối hận rút lời tuyên bố lại và xin lỗi về câu nói rằng tháp làm ô uế thành phố Ba Lê.

TIẾT KIỂM TÀI TỬ

Một nhà điện ảnh đang dự định quay một cuốn phim thể thao trong đó có cảnh Charles Aznavour đóng vai ông vua chạy việt dã. Tiếp Khắc Emil Zatopek đang trở tài trên vận động trường.

Muốn thực hiện sen này ngoài các vai chính còn cần tới 70.000 diễn viên phụ để làm khán giả trong vận động trường. Mỗi diễn viên phụ phải trả thù lao 800 \$ một ngày. Tổng cộng chạy đi 60 triệu đồng. Đắt quá!

Nhà sản xuất bèn thực hiện 70.000 diễn viên bằng chất plastic, cho mặc quần áo đang hoàng đặt vào chỗ ngồi, mỗi hình nhân chỉ tốn chưa đầy trăm bạc. Thật là tiện và lợi. Hoan hô kỹ nghệ! Ví giả, mông giả chưa đủ. Nay đã có người giả... cả tập đoàn.

ĐẠI BA ĐA



TÔI ĐI ĂN GIỎ

Nhân dịp giỗ đầu Lưu Kim Cương
Đại Ba Đa được Đại tá Tiên
Ký giấy cho vào Huỳnh hữu Bạc
Lề phê nhậu nhẹt không mất tiền

Quảng tám giờ đủ mặt bá quan:
Phó Tổng Thống Kỳ, Thiếu Tướng Minh
Có chàng Nguyễn Thanh, đại ngâm sĩ
Có cặp Khánh Ly, Trịnh Công Sơn

Có Hà Huyền Chi, có Phạm Huân
Có Nguyễn Cao Uyên, có Mai Chùng
Có Lệ Thu, có Nguyễn Mạnh Côn
Có Hoài Bắc, Thiên Hương, Nhất Tuấn

Văn văn, võ võ động quá chừng
Phòng ăn mát lạnh nhạc bập bùng
Khi Đại tá Tiên bước lên máy
Thiên hạ ngừng ăn, tiếng nhạc ngừng

Ông tuyên bố lý do họp mặt
Đề tưởng niệm một người đã mất
Một chiến sỹ chết cho Tự do,
Giọng ông đau buồn nghe như khóc

Khi ông xuống, một người bước ra.
Dùng giọng kim, nghe như octave
Chàng nói thao thao như nước chảy
Một tay micro, một tay xòe

Ồi bàn tay sao mà mềm mại!
Trông hệt như Đồng Phương Bất Bại
Múa kim đan đánh Lệnh Hồ Xung
Càng múa trông chàng càng khả ái.

Đó là chàng thi sĩ Nhất Tuấn
Lời nói tràn đầy ý phân hận
Xót thương người chết, chán người đời
Nghe thật ngậm ngùi thật ai oán

Rồi ông quan ba Hà Huyền Chi
Người lùn lùn trong bộ treillis
Mái tóc bông bênh như mây động
Chàng làm thơ khóc thương bạn bè

Bài thơ "Tên mày là đá quý"
Lời chân thành nghe thật thấm thía
Ta nghe ta chán cả cuộc đời
Sống phí lý chết càng phí lý!

Nhà thơ dút phở Tổng thống Kỳ
Cao lênh khênh, cũng bạn treillis

Lạy khoan trước ngực như võ sỹ
Từ từ bước lên bục micro

Khác Nhất Tuấn, ông có giọng thô
Nghe ồm ồm, nhưng nghe thật rõ
Ông trách Nhất Tuấn quá lo xa
Ông chê Huyền Chi sao cay cú,

Lưu kim Cương chính ông tạo ra
Hai mươi năm trời chẳng rời xa
Khi làm việc và khi bay bướm
Khi MARA KẾCH khi Bắc Hà

Khi sống Kim Cương rất bướng bỉnh
Ông Phó Tổng Thống không quen phỉnh
Nhưng ông công nhận "nó" can trường
"Nó" tìm cái chết thật chính đáng.

"Nó" đâu cần khóc, đâu cần than!
"Nó" đi tìm cái chết hiên ngang
Nghệ sĩ phải ca tụng chết đó
Đề người sống ra công dốt đường

Lót đường cho thể hệ ngày mai
Thế hệ chúng ta bỏ đi rồi
Con cháu chúng ta cần phải sống
Con cháu chúng ta cần tương lai

Tương lai ở đây nào đâu xa
Tương lai đâu nằm ở Ba Lê
Tương lai không thuộc Hoa thịnh đốn
Tương lai nằm trong tay ta.

Nói xong, đứng định ông về chỗ.
Nhưng chiếc micro thật là khờ,
Lại bị Tướng Tư lệnh Không quân
Lên nắm lấy đầu, nắm lấy cổ.

Ông có bộ ria rất ghi đồng
Tung ra chương độc hàm mô công
Ầm ầm như trời long đất lở
Ghê thay Tây độc Âu dương phong!

Mọi người ngoại cuộc đâu có biết!
Nỗi buồn vui của những trai Việt
Cười lên tàu bay, bay phê phê
Là chọn cho mình một cái chết.

Những lúc bay trên chiến khu D
Bom trút xong, hồn xác nặng nề
Tai ù không nghe tường máy tạt
Trời ơi! lạnh toát ón da gà!

Có những phi công còn trinh tiết
Cái món mùi đời chưa hề biết
Trời rộng chim bằng gãy cánh bay
Đó chính là người nên thương tiếc.

Này hỡi những anh em nghệ sĩ!
Nếu có tiếc thương, thương khe khẽ
Tác phẩm xin đừng có in ra
Đề dành bọn tôi khóc tri kỷ!

Không khí phòng ăn nặng như chì
Bàn nghệ sĩ có tiếng xầm xì
Không được! tại mình phải lên tiếng
Nếu không, tốt hơn nên đi về!

Đầu bàn bỗng có người đứng lên
Lẳng khằng trông người yếu như xên
Oang oang tiếng nói như lệnh võ
Đó là chàng ngâm sĩ Nguyễn Thanh

(Xem tiếp trang 16)



969

THỨ NĂM 22-5

"Ông hỏi tôi để biết những văn thơ của ông làm có khác không. Ông hỏi điều ấy với tôi và trước đó, ông đã hỏi điều đó với những kẻ khác. Ông đã gửi những bài thơ đó cho những tạp chí. Ông so sánh những bài thơ của ông với những bài thơ khác và ông cố gắng lên khi những người chủ biên của tạp chí vứt bỏ những nỗ lực làm thơ của ông. "Chỉ có một đường duy nhất là ông hãy đi vào sâu bên trong tâm hồn của ông, tìm hiểu, tìm kiếm nhu cầu duyên do bức bách đã khiến ông sống tác đã xui ông viết: hãy tìm hiểu, xem việc ấy có an ổn sâu thẳm trong lòng ông hay không. Ông hãy thử tự nhận với ông rằng nếu người ta cấm ông viết thì ông có phải chết mất đi không? Nhất là: ông hãy tự hỏi vào giây phút trầm lặng nhất trong đêm tối "tôi có thực sự phải cần viết không?" Hãy đào xới tâm hồn ông để tìm cho ra một câu trả lời thâm thúy nhất. Nếu câu trả lời kia xác nhận sự đòi hỏi trong tâm tư ông nếu ông có thể đối mặt với câu hỏi nghiêm trọng này như thể bằng một câu trả lời dứt khoát hẳn đi "tôi phải viết" nếu có thể trả lời như thế thì ông hãy xây dựng đời ông theo mỗi nhu cầu tâm tư ấy.

NHỮNG câu văn trên trích trong lá thư thứ nhất trong số mười lá thư mà nhà thơ người Đức Rainer Maria Rilke viết cho một thi sĩ trẻ tuổi Kappus. Năm ngoái, thầy Thích Chơn Pháp, Phó Trường Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, có cho tôi mượn, trong vòng một tuần lễ, bản Pháp văn. 10 lá thư này in thành sách dưới nhan đề *Lettres à un jeune poète*. Nhưng những dòng trên đây được trích lại từ bản Việt Ngữ của nhà An Tiêm. Người dịch, Hoàng Thu Uyên, ghi trên đầu sách là ông dịch từ nguyên bản Đức ngữ *Briefe an einen jungen Dichter*. Tôi có dịp đọc lại thật kỹ và thấu đáo hơn, những dòng chữ quý báu của người thi sĩ lớn. Những dòng chữ của một thi sĩ gửi cho một thi sĩ khác. Rilke đã trình bày dưới hình thức những lá thư, nhận thức của ông về nhiều vấn đề cho tới nay, và mãi mãi, còn là những đề tài suy tưởng không ngừng. Từ Thi Ca tới Ái Tình, từ Tuổi Thơ đến Cái Chết. Từ Dục Tình tới Linh Thê...

KAPPUS là một quân nhân. Một quân nhân làm thơ. Còn trẻ tuổi, ít kinh nghiệm, hăm mộ và tin tưởng tuyệt đối vào người thi sĩ lớn, anh ta than thở với Rilke những gian nan của đời lính. Trong lá thư thứ sáu, Rilke trả lời: "Về những nỗi khó khăn gian nan của binh nghiệp, hỏi ông Kappus thân ái, ông cũng sẽ gặp những khổ nạn ấy trong tất cả nghề nghiệp nào khác". Hẳn nhiên

trong đó có nghiệp làm thơ. Và Rilke, ngay từ lá thư đầu tiên, đã buộc Kappus phải xác nhận xem ta có thực sự thấy cần phải viết không? và nếu bị cấm viết, anh ta có thể chết được không? Người thi sĩ lớn còn nói: Hãy đào xới tâm hồn anh mà tìm câu trả lời. Viết hay không viết, chỉ anh mới quyết định được cho anh mà thôi.

NHỮNG dòng trên đây được trích ra để gửi tới một người làm thơ hiện đang phục vụ trong Quân Ngũ. Trong kỳ họp Tòa Soạn Khởi Hành tuần trước đây, thứ tư 14-5, một anh trong Bộ Biên Tập do cao tờ báo lên nói rằng: có anh X nói, với những tên tuổi gạo cội như thế này, sợ các anh em làm Văn nghệ QĐ không dám gửi bài tới. Tôi cho ý kiến ấy sẽ được trả lời ngược lại bằng sự tham dự đồng đạo những cây bút QĐ. Hãy đào xới tâm hồn anh, anh sẽ thấy anh có thực sự cần viết hay không. Rainer Maria Rilke viết: "đối với tôi, mình phải cảm thấy rằng mình có thể sống không cần viết thì mình cũng không nên cố sức viết làm gì." (Thư gửi người thi sĩ trẻ tuổi — tr.17 18). Nhưng nếu anh thấy cần viết, vì anh sẽ viết những điều người khác không viết nổi — vì anh cảm thấy mình "như con người đầu tiên được tạo ra trên đời này" phải lên tiếng "nói ra những gì mình thấy, những gì mình sống, mình yêu, mình mất" — để thông báo cùng đồng loại. — thì không quyền lực nào cấm được anh viết. Không gì ngăn cản được anh viết.



THỨ SÁU 23-5

LÁ THƯ NGO của hai nhà văn nữ đất Huế, đăng trên Khởi Hành số 3 (thứ năm 15-5) đã gây hậu quả không ngờ. Các hiệp hội Giáo dục ở Huế, anh chị em SVHS ở Huế, các dân biểu đơn vị Thừa Thiên Huế, Thủ, Bằng đã phản ứng mau lẹ sau bài lên tiếng của Túy Hồng, Nhã Ca. Vụ gái Huế, phát sinh từ lời tuyên bố lèm nhèm của Trần Phong Giao, Thư ký Tòa Soạn báo Văn đã được mấy người anh em bên Nhật Báo Hoà Bình khuấy động thành một vấn đề thời sự nóng bỏng. Mấy hôm sau thư ký Tòa Soạn tờ báo các bạn đang đọc bị rửa là đồ méchaut.

THỨ BẢY 24-5

ĐÊM NAY, trên màn ảnh VTTH VN, tôi được xem một vở kịch đáng hoàng. Vở "Tiếng Cồng..." do các nghệ sĩ thuộc Tiểu đoàn 20 CTCT trình diễn. Vở kịch, mặc dù thiếu những động tác thúc đẩy, thiếu sự nghi ngờ (double), chỉ kể lại một kinh nghiệm cũ, thiếu đột biến (chute) nhưng cũng được coi là một công trình đáng kể.

Tác giả vở kịch, trước hết, đã hoàn thành một kịch bản tuyên truyền êm ái. Viết kịch khổ, viết kịch tuyên truyền khó hơn. Đối thoại được tính toán gọt rửa hết cái vẻ sỗ sàng hết cái ý muốn thuyết phục nóng nảy, để chỉ còn là sự việc. Nhưng sự việc trong "Tiếng Cồng" không nóng, không thôi thúc, bởi lẽ cái tranh chấp, cái đối nghịch bị đẩy lùi về phía sau, trong khi chi tiết còn thiếu. Kịch bản thành ra luôn luôn ở trong một tình thế — trong khi cần thay đổi tình thế nhiều lần, dồn nhân vật vào chỗ phải phản ứng. Phản ứng của ông Trưởng làng

thật đẹp, song lại chỉ có phản ứng đó trong mĩ vở kịch.

Chi tiết tiếng đàn ma—không ai thấy người chơ đàn—cũng đẹp, nhưng cũng chỉ là một. Tình tiết—kịch chàng cán bộ CTCT được thiếu nữ Thượng tặn chiếc không mớ nhạt quá, và giọng gạo nữa.

Tác giả vở kịch không phải không biết những điều ấy. Ông có thể viết kỹ hơn, tôi tin vậy.

Về phần thực hiện "Tiếng cồng" thành công. Bề trí có kịch ở trong (cửa sổ, liếp ngăn phòng trong cửa ra ngoài, khẩu súng không dùng đến)... Các diễn viên gọn, nghiêm chỉnh, nhất là ông Trưởng làng Riêng chàng cán bộ suy tưởng nhiều quá. Hai thiếu nữ Thượng chưa đầy đủ cá tính, mơ mộng chưa nồng, thù hận chưa nghiệt ngã.

Màn quyết định có hơi nhanh, hơi dàn dỉ, sự đến và đi của kaba chưa vũ, bão sôi, nổi, đáng đáng sát khí, máu lửa tuy rằng những lưới giáo mác bặt ra từ khe liếp, ngách cửa rất ngoạn mục.

Dù sao, chủ đề của vở kịch đã được trình bày tới nơi tới chốn một cách hấp dẫn. Điều sau cùng người sản xuất vở kịch này cho màn ảnh TV cũng đã thành công.

THỨ BA 27-5

MÀN BẠC SAIGON vừa khởi chiếu từ hôm nay một phim chiến tranh của Walter E Graumann, với Cliff Robertson, George Chakiris v. Maria Rerschy. Robertson được biết đến từ P.T. 109 cuốn phim thuật lại cuộc đời binh nghiệp của Hạ Quân Trung Ủy Robert F. Kennedy, sau này là Tổng Thống Hoa Kỳ, và người tài tử hạng B này, nắn nay vừa đoạt giải Oscar nam diễn viên xuất sắc nhất của Hàn Lâm Viện Khoa Học và Nghệ Thuật Hoa Kỳ. George Chakiris, gốc Hy Lạp, được khám phá, từ *West Side Story*, là một trong những jeune premie, đáng chơi nhất hiện nay. Cuốn phim nhận đề *Mission 633*.

Mission 633 là một phi vụ cực kỳ nguy hiểm của Đại tá Grant và các phi công của ông. Họ phá phá bằng được những dàn hỏa tiễn của quân Đức, đang thiết lập tại một bờ biển thuộc Na Uy. Bấy giờ là năm 1944. Geogre Chakiris đảm nhiệm vai Trung Ủy Bergmann, một trong những thủ lĩnh quân kháng chiến Na Uy, làm hướng đạo viên cho Đại tá Grant Phi vụ thành công, nhưng 10 chiếc máy bay cất cánh chỉ có một chiếc đáp được xuống đất. Chiếc của Grant. Nhưng chàng vẫn phải chết. Vai chính chết người hùng chết.

Người xem, sau khi ra khỏi rạp, phải nhớ tới một phim tương tự, đã chiếu tại Saigon cách đây khoảng 13 năm. Đó là phim *Les ponts sur Ton-kiri* một thiên anh hùng ca tuyệt diệu và cay đắng của Không Quân Hoa Kỳ. Cũng trong Đề Nhị Thế Chiến. Vai chính: William Holden. Chàng và phi đội phá phá bằng hết những cây cầu trên sông Ton-Kiri, vì cuối cùng chàng cũng phải chết. Cái chết, đó là phần thưởng của Anh Hùng.

KHỞI HÀNH số 6

ra ngày thứ Năm 5-6-69



ĐỀ NGHỊ MỘT Ý NGHĨA CHODANH TỪ: VĂN HÓA

VĂN MINH : MÙ VĂN HÓA : QUÈ

1

Tiếp theo kỳ trước, nói đến trạng thái ngưng đọng của lịch sử Tây phương, mà nguyên nhân chính là sự thiếu thốn 1 môi trường cảm thông cho đại chúng, một đề tài thảo luận cho giới trí thức, hôm nay tôi trình bày quan niệm của tôi về sự xuất hiện của đạo Ki-tô.

Tôi sẽ không nhắc lại rằng đạo của Chúa Ki-tô là đạo của Tình Thương Yêu, vì đó là điều ai nấy đã cùng biết. Tôi chỉ muốn, nhân dịp này, nói về những hậu quả lớn lao của Ki-tô giáo đối với đời sống của con người phương Tây trước, rồi đối với một phần lớn nhân loại sau.

Thứ nhất đạo Ki-tô thiết lập những cộng đồng sinh hoạt nặng về tinh thần, ở ngoài và ở trên những cộng đồng sinh hoạt tự nhiên, như làng xóm và những cộng đồng kinh tế, chính trị, như quốc gia, hay các hiệp hội nghề nghiệp. Cộng đồng mới này được kết hợp bởi những động lực mạnh mẽ có tính chất siêu nhiên và tinh thần, nên nó đương nhiên trở thành một môi trường cảm thông sâu rộng cho tất cả mọi người theo đạo Ki-tô, dù có hay không có ở chung một làng, một tỉnh, một lãnh thổ. Một người lái buôn theo đạo Ki-tô từ Pháp sang Ý, sẽ thấy y bớt cô đơn khi gặp những người dân địa phương cùng theo đạo ấy. Nếu hẳn gặp hoạn nạn sẽ được giúp đỡ nhiệt tình bởi những người tuy xa lạ mà gần gũi, vì cùng chung tín ngưỡng.

Thứ hai một trong những sản phẩm đặc thù của Ki-tô giáo là tổ chức và tinh thần hiệp sĩ. Những viên chiến tướng mạnh mẽ, tài giỏi, thay vì lấn áp không tiếc thương, như vào thời thượng cổ, những kẻ yếu đuối để tranh giành quyền lợi, thì lại nhân danh lòng bác ái của Chúa Ki-tô mà bênh vực, che chở họ. Rồi cũng từ đạo Ki-tô, người phương Tây đi đến tinh thần công bằng và nhân đạo: trước Thượng đế thiêng liêng, người yếu bình đẳng với người khỏe, và những người phải chịu đựng nhiều thiệt thòi bao giờ cũng đánh ngang đó cho có thể tồn tại được trên đời. Điều thứ hai này còn có tác dụng cụ thể, là dân số tăng nhanh lên, và những phần tử yếu đuối, muốn tồn tại, sẽ cố gắng vận dụng nhiều hơn đến tinh thần và mưu trí. Nhờ thế mà dân số tăng nhanh bao nhiêu, thì loài người cũng đạt tới những tiến bộ quan trọng bấy nhiêu.

Thứ ba từ cách đây 20 thế kỷ cho đến thời đại cận kim, những lời giảng thuyết của Chúa Ki-tô luôn luôn là những đề tài thảo luận rất phổ biến cho giới trí thức. Thay vì mỗi lần gặp nhau là hội hè, yến tiệc đến chán chê rồi tự cắt mạch

máu mà chết — như Pêrone, bạn thân của César, tự tử chỉ vì chán ngấy mùi giàu sang phú quý — giới lãnh đạo có rất nhiều truyện đề bàn cãi say sưa, hàng ngày, hàng tháng không hết. Chính do sự bàn cãi này mà nảy ra sự tìm kiếm lẽ phải phù hợp với nguyên lý của đạo, và có sự khích lệ trong sự khám phá ra những gì mới mẻ lạ lùng hay bổ ích.

2

Nói tóm lại, đạo Ki-tô là động cơ của một bước «nhảy vọt» của lịch sử Tây phương, một bước nhảy đưa mức độ tiện nghi, chất lượng trong 4.000 năm, tới hiện trạng hôm nay. Thiết tưởng chúng ta không cần nhắc nhở dài dòng, mới có thể phân chia bước «nhảy vọt» làm 4 thời kỳ.

Thời kỳ 1, thể hiện môi trường thông cảm, vừa làm tăng dân số, vừa làm cho các dân tộc châu Âu xấp lại gần nhau, vì cùng một đạo. Thời kỳ này kéo dài từ khi Chúa Ki-tô xuất hiện cho đến khoảng thế kỷ thứ 15. Trong suốt 15 thế kỷ, giáo hội Ki-tô giáo chính là nơi bảo tồn và gạn lọc ưu khuyết điểm của thời kỳ cổ sử: Hy Lạp, La Mã, Ai Cập, Carthage v.v. trước Thiên chúa.

Thời kỳ 2, nhu cầu kinh sách và ý chí học hỏi đưa đến Gutenberg, với phương pháp in sách bằng chữ rời. Nền học vấn được đưa xuống đến đại chúng và phát triển cực mạnh.

Thời kỳ 3, Karl Marx ra đời, để cố gắng giải quyết sự tranh chấp quyền lợi giữa tư bản và lao động thành thị. Cùng lúc đó, Darwin ra đời để giải quyết vấn đề nguồn gốc con người, theo quan niệm thực nghiệm.

Thời kỳ 4, linh mục Lemaitre đề nghị lý thuyết thuần vật chất cho nguồn gốc của vũ trụ. Linh mục Chardin, tiếp tục Darwin, chứng minh rằng đời sống của muôn loài cũng là kết quả của sự vận động «lăn mò có chỉ huy» của vật chất.

Đồng thời, Chardin cũng đề nghị một quan niệm táo bạo về Thượng đế. «Thượng đế trên đường hình thành» là một quan niệm trái với nguyên lý căn bản của đạo Ki-tô, nhưng lại rất hợp với tâm hồn kiêu hãnh và hướng ngoại — tìm hiểu và chế ngự thiên nhiên — của con người Tây phương.

3

Đề nghị của Chardin không được giáo hội Ki-tô chấp nhận, vì chối bỏ vai trò của Thượng đế trong công việc sáng tạo ra vũ trụ

và đời sống. Đề nghị này chỉ được một số người ưa lý luận tuyệt lý chấp nhận, nhưng dù sao nó cũng không đầy đủ vì không xác định được nguyên lý của sự sống, và do đó, không xác định được giá trị của đời sống.

Giá trị không phân thì thiện ác không phân. Những nhà thông thái, mà công việc phát minh nhiều khi làm thay đổi đời sống, làm rung chuyển Địa cầu, không phân được thiện ác, nên không có một đường lối cho công việc sáng tạo. Chính vì thế cho nên các nhà khoa học trên thế giới không thể kết hợp với nhau, để cùng làm việc phục vụ cho nhân loại. Các nhà khoa học đành phải tuân theo những đường lối ước định bị chi phối bởi danh vọng hay quyền lợi, được các nhà cầm quyền của mỗi quốc gia ban phát cho kẻ dưới.

Khoa học do đó mà đi đến chỗ bế tắc; thay vì phục vụ đời sống lại phục vụ chiến tranh, phục vụ quyền lực thống trị của kẻ mạnh, nếu không tự nó đe dọa ngay sự hiện hữu và nối tiếp của đời sống.

4

Tôi cho rằng từ đoạn 1 đến hết đoạn 3, tôi đã trình bày về lịch sử và tinh chất đại cương của nền văn minh Tây phương hay có thể nói nền văn minh Ky-tô Giáo.

Đề định nghĩa danh từ «văn minh» tôi đề nghị coi đó là hiện tượng tiến bộ của một thành phần nào đó của nhân loại; sự tiến bộ được thể hiện phù hợp với các đặt tính tự nhiên của thành phần đó, và chỉ lấy tiến nghi vật chất làm cứu cánh nên không có đường lối rõ rệt. Do đó, tôi gọi «văn minh» là một trạng thái tiến bộ «mù loà».

Trong khi đó, tôi sẽ chứng minh sau đây, rằng «văn hóa» là hiện tượng đứng yên của một khối óc và hai con mắt sáng sao. Đó là một trạng thái sinh hoạt «què», là tính chất đặc thù của nền văn hóa Đông Phương.

5

CĂN BẢN của nền văn hóa Đông Phương là đạo Phật và đạo Lão. Trang một bên; một bên là đạo Nho của Khổng tử, Mạnh tử.

Người ta không biết vì khí hậu thiên nhiên với các điều kiện đặc biệt về địa lý; hay vì «Trời sinh» ra người Tây phương lớn mạnh, hăng hái bao nhiêu, thì người Đông phương bé nhỏ thâm trầm bấy nhiêu, mà người ta thấy có kết quả rõ rệt là người Tây phương có tâm hồn rất hướng ngoại, trong khi người Đông phương lại có tâm hồn hoàn toàn hướng nội.

Căn cứ vào lịch sử tư tưởng của các dân tộc Ấn, Hoa, là hai dân tộc lớn nhất, và có lẽ cũng hiện hữu từ lâu đời nhất Á châu — với tư cách dân tộc chiếm lĩnh một lãnh thổ có xác định, và có một lịch sử tiếp nối liên tục trên lãnh thổ ấy — người ta nhận ra rằng, cùng vào khoảng thời gian cách đây từ 40 đến 60 thế kỷ, các vị sáng đạo Bà-la-môn ở Ấn độ, cùng các nhà hiền triết thời thượng cổ Trung hoa như các vua Hoàng đế, Phục Hy, Văn Vương v.v... đều có hướng tâm chiêm ngưỡng thiên nhiên, và đời

nguyên mạnh còn

sống chung của muôn loài, nhiều hơn tìm hiểu đời sống riêng của loài người, và thỏa mãn những thứ nhu cầu về sự nghiệp, hay về tiện nghi vật chất, mà các vị đó đều cho là phù du, ảo tưởng.

Phật Thích ca, ở Ấn độ, tiếp tục công việc suy tư của đạo Bà-la-môn. Quan niệm «con người là thành phần của thiên nhiên» đã được xác nhận từ lâu rồi, nhưng đức Phật Thích ca có công phu nối tiếp hình ảnh trừu tượng của một vũ trụ Đại Ngã vào hệ thống sinh hóa của con người Tiểu Ngã. Cái mới, đồng thời là cái siêu việt của đạo Phật là quan niệm Luân Hồi — một thứ chu kỳ biện chứng vô thủy vô chung.

Nhưng tại sao lại «vô thủy vô chung», nghĩa là không có đầu, cũng không có cuối? — Tôi nghĩ rằng chúng ta nên nhớ đến hoàn cảnh thực tế của đức Phật, khi Ngài xuất gia tầm đạo. Phật là hoàng tử, đẹp trai, giỏi văn và giỏi võ, và có bà vợ đẹp tuyệt trần. Phật lại thuộc dòng bà-la-môn, là đẳng cấp tu dưỡng cao quý nhất trong xã hội Ấn độ. Vậy lẽ tất nhiên, khi còn ở hoàng cung, Phật đã từng trải đủ mùi hưởng thụ — người Ấn có tiếng trong lịch sử về sự tổ chức các thú vui và thanh cao lẫn sa đọa — và chỉ đến khi chán chường, và nghĩ đến những tai họa có thể đến cho cả người bà-la-môn lẫn người paria, Phật mới rời bỏ kinh thành.

Rời bỏ kinh thành, Phật không còn là hoàng tử, nhưng vẫn còn là bà-la-môn: người bà-la-môn, trong khi tu dưỡng, được dân chúng thành kính cung phụng các nhu cầu ăn, mặc, Phật, vì thế, không phải lo vấn đề kiếm sống, để chi dồn hết tâm tư vào sự tìm hiểu nguyên nhân của đời sống.

Phật đã tìm thấy. Những lời dạy dỗ của Phật, cho đến nay khoa học còn chưa hiểu hết. Vì thế, chúng ta không có nhiệm vụ suy tôn đạo của Người thêm nữa... Tuy nhiên, một phần khác, chúng ta cũng nên nhớ rằng, với tất cả sự hiểu biết về lịch sử con người, và với những viễn ảnh mà Phật có thể đã thấy về đời sống của nhân loại — đặc biệt là dân tộc Ấn độ — lẽ tất nhiên Phật không thể nào tiên liệu sự tiến bộ mà đạo Ki-tô sẽ đem đến cho Tây Phương và cả thế giới, như hiện nay.

Trong tư tưởng sinh vật của Phật, chắc hẳn con người sinh ra đời có tài giỏi lắm thì làm vua, làm quan, mà nghèo hèn lắm thì làm dân nô lệ, nhưng tựu trung thì ai nấy cũng đều lấy vợ, đẻ con, sống sung sướng hay khổ sở, kiêu hùng hay hèn hạ, trong vòng 100 năm. Cái chết đến, xóa bỏ

(Xem tiếp trang 10)

NHỮNG người tù binh Mỹ bị Cộng sản bắt giữ trong trận chiến tranh ở Triều Tiên, sau khi được thả ra thường có những lời nói và hành động bất thường, đã làm cho các nhà chức trách Mỹ băn khoăn. Người ta không hiểu Cộng Sản đã làm thế nào, để những người bị bắt giữ, vừa tỏ ra hối hận về những tội lỗi mà họ không bao giờ phạm phải, vừa tỏ ra biết ơn đối với những người hành hạ đánh đập họ.

Nhờ học bổng của Fulbright, một cô con gái Hoa Kỳ đã qua được Trung Hoa. Cô ta không Cộng sản, cũng không phải là người có hoạt động chống cộng. Sau một năm học tập thì cô bị bắt, và bị đưa đi điều trị một cách rất bí mật. Sau công cuộc điều trị, cô thú nhận rằng, cô đã sang Trung Hoa để làm do thám cho Đế Quốc, và cô rất lấy làm ân hận về sự phản bội ấy. Cô được trả tự do.

Khi qua Hong kong, cô đã được các nhà báo tới thăm, và một câu chuyện khá hấp dẫn được tiết lộ. Cô nói rằng, cô là một tên do thám xấu xa của thực dân Mỹ. Cô có thái độ thù nghịch với quốc gia của cô nhưng lại tỏ ra cảm mến người Cộng sản Trung Hoa. Cô mô tả rằng người Trung Hoa rất đáng được kính phục, họ đã cứu giúp cô, nhờ có họ mà cô đã được sống lại, vì tội cô quá là đáng phải chết.

— Thế có cô bị xích chân không?

— Có, chân tôi có bị xích, nhưng người Cộng sản thật là dễ thương.

— Tay có cô bị xích ra phía sau lưng không?

— Có, tay tôi có bị xích, nhưng họ đối xử với tôi thật là dịu dàng, tràn ngập tình thương mến.

Vì những lý do bí mật nào, cô đã có thái độ lạ lùng, như là tin rằng cô đã làm những việc mà thực ra cô không làm, hối hận về những tội lỗi mà cô không phạm phải, và tỏ ra thương mến những người đã hành hạ cô.

Bằng những phương pháp nào mà các tù binh Mỹ ở trong tay Cộng Sản, đã có những thay đổi đáng lo ngại. Họ trở nên ích kỷ, mất hết tinh thần kỷ luật, và tinh thần đồng đội. Để trông coi tù binh, chỉ có vài người lính canh, thế mà tù binh có vẻ ngoan ngoãn, dễ bảo và không có ai tìm cách đi trốn mặc dù rằng ở xung quanh không có rào gai. Người Hoa Kỳ đã tham gia nhiều trận giặc, và trong các trận giặc ấy, người tù binh Hoa Kỳ luôn luôn là một cái gai trong hàng ngũ đối phương, bởi vì đối phương vẫn không chỉ huy được họ. Tuy rằng bị cầm tù, nhưng họ vẫn nghe lệnh si quan của họ, và lúc nào cũng tìm cách giúp đỡ bạn đồng tù. Còn các cuộc tổ chức vượt ngục thì xảy ra luôn luôn.

Trong số hàng ngàn tù binh Mỹ bị Cộng Sản bắt ở Triều Tiên, không có một trường hợp vượt ngục nhưng con số những người chết lên đến 40%.

Số người còn lại chia làm 3 nhóm, nhóm thứ nhất giữ vững tinh thần, nhóm thứ hai trở nên thân Cộng, và nhóm thứ ba hoàn toàn tan rã tinh thần.

Có một điều lạ, là trong những tù binh Thổ Nhĩ Kỳ, thì không có ai chết, và không có ai hợp tác với Cộng Sản.

Một số các vị Bác sĩ Quân Y Hoa kỳ đã được chỉ định xem xét bệnh nhân, thu góp chi tiết về cách điều trị của Cộng sản, để tìm ra nguyên nhân của các sự lạ lùng trên.

Cộng sản là những người hoàn toàn duy vật. Họ tin rằng ở trong vũ trụ chỉ có vật chất chuyển động, và con người cũng chỉ là một bộ máy vật chất. Trong thân thể con người, thì dạ dày tiết ra chất toan, gan tiết ra mật, và óc tiết ra tư tưởng.

Một nhà bác học duy vật, chế tạo ra một con chó máy để ở trong phòng. Khi cửa mở ra để cho ánh sáng chiếu vào mắt chó, thì nó tiến tới và sữa, khi cửa đóng lại, con chó lùi về chỗ cũ. Khi vuốt trên lưng chó thì nó vẫy đuôi, và khi gõ vào bụng thì nó nằm xuống. Nhà bác học nói rằng "giữa con chó máy, và con chó thật biết chạy, nhảy, sữa và biết theo tôi đi chơi, chỉ khác nhau về cường độ. Về thực chất, thì không có gì khác."

Người Cộng Sản đi xa hơn thế, họ cho rằng giữa người và chó cũng chỉ có sự khác biệt về cường độ. Người là một cái máy vật chất, nó cũng tự động y như cái xe hơi. Lễ dĩ nhiên là bộ máy ấy rất phức tạp, đặc biệt là trí óc, nên con người

đã làm tường là họ có đủ tự do, biết lựa chọn, và có ý chí. Nhưng thực ra tư tưởng chỉ là phản ánh của những luồng điện ở trong óc. Vì vậy người Cộng sản tin rằng nếu họ hiểu được sự cấu tạo của óc, hiểu được cách sinh hoạt của óc và những luồng điện thần kinh, thì họ có thể hiểu được sự cấu tạo của tư tưởng, để có thể kiểm soát và điều khiển tư tưởng.

Trí óc con người sinh hoạt theo một đường lối mà Cộng sản gọi là phản ứng có điều kiện. Thế nào là phản ứng có điều kiện, và thế nào là phản ứng không có điều kiện?

Phản ứng không có điều kiện, là những cử chỉ, hành động tự nhiên mà có, ta thường gọi là thiên tính. Đem trứng con vịt cho gà ấp. Khi con vịt lớn tự nhiên nó biết lội xuống nước. Con chim cũng vậy, tự nhiên nó biết làm tổ. Con vịt do gà ấp không hề học lội nhưng cũng biết lội. Con chim tuy không bao giờ học làm tổ, cũng biết làm tổ. Những cái đó người Cộng Sản không gọi là thiên tính mà gọi là phản ứng không điều kiện. Nếu dùng con người làm tỉ dụ, thì khóc và mút là phản ứng không điều kiện. Đứa trẻ tự nhiên biết khóc và tự nhiên biết mút vú.

Đứa trẻ lớn lên, dần dần tập các thói quen mới, và thói quen là phản ứng có điều kiện. Đứa trẻ được đặt nằm trong cái nôi, bên trên cái nôi treo

Trong trường hợp này, sự chảy nước miếng được gọi là phản ứng có điều kiện, và tiếng chuông là sự kích thích giả tạo gây nên phản ứng.

Năm 1924, thành phố Leningrad bị ngập lụt. Những con chó của Pavlov bị bỏ rơi không được săn sóc. Khi được người đến cứu, thì chó bị ngập trong nước lạnh, chỉ có mõm là lộ ra khỏi mặt nước. Trong nhiều ngày chó đã bị lạnh, bị sợ hãi, bị đói, và bị kiệt sức. Sau khi được cứu sống, Pavlov nhận thấy chó của ông có những triệu chứng rất lạ. Một vài con tỏ ra buồn rầu, ủ rũ. Nó không ăn, và không có những sinh hoạt thường lệ. Nó không sữa, không chạy nhảy. Nó có những cử động chậm chạp và bất thường.

Cuộc đời hình như không còn đáng sống nữa. Và đặc biệt hơn cả là trong tình trạng ấy, thì những phản ứng có điều kiện của nó đã bị hủy hoại.

Sự tỉnh cơn trên đã giúp cho Pavlov khám phá ra phương pháp phá hủy những phản ứng có điều kiện. Lúc đầu ông vẫn dùng chó để thí nghiệm, nhưng vào khoảng 10 năm sau cùng của đời ông, thì con vật được đem dùng để thí nghiệm lại chính là người. Ông đã khám phá ra những cái kỹ thuật phá hủy những thói quen đã được cấu tạo trong trí não, để đem các mảnh vụn ấy ra kiến tạo một trí nhớ khác, một sự xét đoán khác, một sự rung cảm khác phù hợp với ý muốn của người Cộng Sản.

Pavlov đã hệ thống hóa cái kỹ thuật làm tan rã tinh thần. Bốn điều cần thiết để làm tan rã tinh thần đã có đầy đủ trong trường hợp những con chó bị nạn lụt ở Leningrad.

Đó là, kiệt sức, lẫn lộn, đau đớn lâu dài, và căng thẳng tinh thần hay sợ hãi.

1) Kiệt sức.— giai đoạn đầu là làm cho nạn nhân kiệt sức bằng cách không cho nạn nhân ngủ. Có nhiều cách làm cho nạn nhân phải thức, như chiếu đèn vào mắt. Nếu nạn nhân quay đi, để tìm cách ngủ, thì sẽ có người tới đánh thức, và bắt nhìn vào đèn. Tình trạng mất ngủ nhiều ngày sẽ làm cho nạn nhân kiệt sức.

2) Lẫn lộn.— Trong lúc làm cho nạn nhân kiệt sức, thì đồng thời nạn nhân phải trả lời liên tục một số câu hỏi. Những câu hỏi cũng được nghiên cứu đi từ dễ đến khó, từ thông thường đến nguy hiểm cho nạn nhân.

Bắt đầu nạn nhân chỉ phải trả lời những câu hỏi như gia cảnh, địa vị xã hội, thời kỳ niên thiếu. Người hỏi có khi còn tỏ ra thông cảm. Dần dần trong các câu hỏi đều có dụng ý đưa nạn nhân vào sự thú nhận những tội lỗi mà nạn nhân không có làm. Tỉ dụ như "anh có lấy làm hối hận vì đã dùng máy truyền tin liên lạc với Tưởng Giới Thạch không?" Nạn nhân sau khi đã bị làm cho mất ngủ bị kiệt sức, nên trả lời vắn tắt "có" hoặc "không". Câu trả lời ấy gán cho nạn nhân cái tội đã dùng máy truyền tin, nhưng "có" hay "không" hối hận mà thôi. Nếu nạn nhân sáng suốt, thì sẽ tránh được cái bẫy trong câu hỏi, nhưng trường hợp này ít xảy ra.

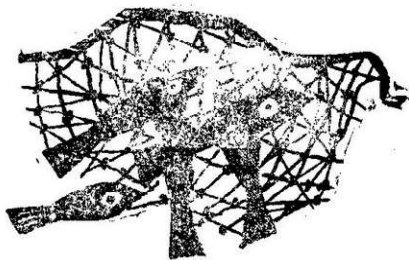
3) Đau đớn lâu dài.— Nạn nhân không bị đánh đập đến mang thương tích, để sau này còn được đưa ra trình diện với báo chí. Nạn nhân sẽ bị hành hạ nhiều về mặt tinh thần để tinh thần tan rã nhưng thể xác bề ngoài thì không có dấu vết. Khi tinh thần tan rã, nạn nhân sẽ lấy điều "không thực" làm "thực". Nạn nhân có thể bị xích chân, xích tay, trong nhiều ngày, bị bỏ đói, bỏ khát. Tình trạng hành hạ ấy có thể gây ra những bệnh kinh niên, làm cho nạn nhân cảm thấy đau khổ, và mong mỏi được tái qua nạn khỏi. Có những hình phạt rất nhẹ nhàng nhưng có thể gây ra bệnh kinh niên sau này, như việc hạn chế thức ăn.

Việc hạn chế này có thể làm cho nạn nhân mắc bệnh đau bụng dai.

4) Sợ hãi.— Người ta sẽ nghiên cứu nạn nhân để tìm ra yếu điểm. Nếu nạn nhân thương yêu gia đình, thì họ sẽ đe dọa thủ tiêu nạn nhân. Trong trường hợp đối với ông Bucher chủ tàu Pueblo, thì họ đe dọa bắt dẫn từng người thủy thủ của ông, bắt đầu từ người trẻ nhất.

Kiệt sức, lẫn lộn, đau đớn liên tục, sợ hãi, bốn thứ đó đem dùng một cách khoa học, sẽ làm cho tinh thần nạn nhân tan rã ra từng mảnh.

TRẦN VĂN KHA



PHƯƠNG PHÁP CÁI TẠO CON NGƯỜI CỦA PAVLOV

một món đồ chơi có màu sắc. Đứa trẻ đưa tay lên định cầm món đồ chơi, nhưng tay nó quờ quạng đặt không đúng chỗ. Phải mất khoảng 1 tháng nó mới cảm được món đồ chơi theo ý muốn.

Tất cả những thói quen học được sau này, như viết, đánh máy chữ, lái xe hơi, v.v. đều là phản ứng có điều kiện: Mặc dầu rằng cái thói quen ấy cần sự phối hợp một số cử động của các bắp thịt, nhưng thực ra nó bắt nguồn từ trong trí não. Trí não như vậy chỉ gồm những phản ứng có điều kiện. Vậy thì khi hiểu được cách kiến tạo và phá hủy những phản ứng có điều kiện, thì có thể làm chủ được trí não.

Người đã nghiên cứu kỹ lưỡng những phản ứng có điều kiện là nhà bác học Nga Pavlov. Giống vật dùng để thí nghiệm là chó. Phản ứng căn bản được nghiên cứu là phản ứng của nước miếng lúc con chó đói, miếng nó sẽ chảy rãi, nếu nó thấy miếng thịt sự hiện diện của miếng thịt, hay mùi thịt là một sự kích thích tự nhiên làm cho nước miếng chảy ra. Pavlov mở ống dẫn nước miếng rồi đặt vào đây một cái ống để dẫn nước miếng vào trong ruột cái chai. Pavlov đem thịt tới, và nước miếng chảy ra. Giai đoạn tiếp là rung chuông cùng với lúc mang thịt tới. Về sau thì rung chuông trước một vài giây. Thời gian rung chuông càng ngày càng cách xa với lúc mang thịt tới, và cuối cùng thì chỉ rung chuông nhưng không mang thịt tới nhưng chó đã có thói quen nhỏ rãi khi chuông rung nên lúc không có thịt nó cũng phản ứng y như khi có thịt,

Đến đây là hết giai đoạn phá hủy tinh thần, giai đoạn kế tiếp là xây dựng một tinh thần mới. Trong lúc nạn nhân đau đớn, và mất hết ý chí phấn đấu, người nghệ sĩ Cộng sản sẽ tới vuốt ve săn sóc cho nạn nhân, và bắt đầu nói cho nạn nhân nghe những điều mà người Cộng sản muốn nạn nhân phải nhớ. Những điều ấy được nhắc lại nhiều lần làm cho nạn nhân lầm tưởng rằng đó là sự thật. Đối với những người khỏe mạnh trong lúc bình thường, lời nói cũng đã có thể gây nên phản ứng. Lời nói gây phản ứng đã được đem áp dụng trong phương pháp làm quảng cáo. Một món hàng nào đó được ca tụng nhiều lần, sẽ bán được nhiều hơn, và càng ngày càng nhiều, nếu món hàng đó có một chút giá trị.

Có những lời, khi nói ra làm người nghe phải phản ứng. Nếu đứng giữa một đám đông ở chợ quí vị la lên rằng "tôi bị mất đồng hồ", thì lập tức những người nghe thấy tự nhiên phải kiểm soát lại xem đồng hồ ví tiền có còn hay đã bị mất.

Trở lại với nạn nhân Cộng sản, thì nếu nạn nhân mất hết tinh thần, không muốn sống nữa, thì Bác Sĩ Cộng sản sẽ đến với nạn nhân để săn sóc chữa bệnh. Người Bác Sĩ ấy sẽ khéo léo chữa cho bệnh nhân khỏi đau khổ, thân xác, và an ủi để nạn nhân lấy lại tinh thần, nhưng họ thì hành một cách khéo léo để nạn nhân vẫn ghi nhớ trong trí não những điều mà người Cộng Sản muốn nạn nhân ghi nhớ.

Tại Trung Cộng, muốn làm cho các vị truyền giáo mang mặc cảm phạm tội, người nghệ sĩ Cộng Sản đã đem súng đạn bỏ vào một phòng kín trong nhà thờ.

Nhà truyền giáo sau khi bị làm tan rã tinh thần, sẽ được đem về nơi nhà thờ cũ của mình, để nhìn và sờ mó vào số súng đạn mà Cộng Sản đã đem bỏ vào đó! Người Cộng Sản sẽ chụp hình, lần đầu tay, để làm bằng, rồi nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng nhà truyền giáo đã xây hầm giấu súng đạn để ám mưu nổi loạn. Trong lúc tinh thần tan rã, hết ý chí chống đỡ, nhà truyền giáo chấp nhận tội trạng của mình. Lúc ấy nhà truyền giáo sẽ được đưa ra Tòa xử tội, hoặc đưa ra cho báo chí quốc phòng vấn. Nhà truyền giáo sẽ tự mình khai ra các tội lỗi đã phạm, và tự động khen ngợi chế độ đã tỏ ra khoan hồng đối với những tội đáng đem ra xử tử. Báo chí Tây Phương ngạc nhiên không tin những lời nhà truyền giáo đã nói, nhưng họ không cắt nghĩa được tại sao?

Sự thành công của người nghệ sĩ Cộng Sản trong sự mạng đào tạo một con người mới phù hợp với ý muốn của họ, thật là hoàn toàn. Họ đã hành hạ được tinh thần y như hành hạ thể xác, và biến đổi được người chống đối trở thành người hợp tác trung thành.

Phương pháp đào tạo người mới kể trên, chính là cái mà quý vị thường nghe nói đến, đó là phương pháp "tây nảo".

Phương pháp tây nảo đã được từ Nga phổ biến qua Trung Cộng, rồi Bắc Việt, và được đem thí nghiệm có kết quả trong các kỳ đầu tổ địa chủ bắt đầu từ năm 1952 ở Vùng Thanh Hóa. Ông Hoàng văn Chí đã kể lại chuyện ông bị tây nảo đúng y như đường lối khoa học của nhà Bác Học Liên-Sô Pavlov. Ông và một số địa chủ khác bị hỏi liên miên, làm tờ tự thú liên miên, và bị chiếu đèn vào mắt nhiều đêm không ngủ được. Nhưng ông may mắn không bị đánh gục nên sau này lại trốn được vào Nam, năm 1955 ông đã cố gắng nói lên sự thực về chế độ Cộng sản, nhưng ít ai tin ông vì họ cho đó là tuyên truyền. Trong lúc tâm tình, ông thường tỏ vẻ sợ hãi Cộng sản. Bây giờ thì ông không còn lo sợ gì nữa, và tha hồ chống cộng, ông đã ra khỏi Việt Nam.

Ông đã sống được sau những ngày bị hành hạ, đấu tố vì ông được những người bị đấu tố lớp trước truyền cho một số kinh nghiệm. Kinh nghiệm dạy rằng Cộng sản quyết tâm đánh gục địa chủ vậy thì không nên cưỡng lại vì càng chống đối thì càng bị gọi là ngoan cố và càng bị hành hạ cho đến khi phải bị đánh gục. Hãy nhận bất cứ tội gì mà họ muốn nhân, và trong bản tự thú phải bịa ra một số tội để tự mình sỉ vả mình thì sự hành hạ sẽ nhẹ hơn.

(Xem tiếp trang 11)

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cấm đàn bà

CÂU CÁ

—Tôi mới tìm ra một cách bắt cá tuyệt diệu hơn là câu hay quăng lưới. Tôi mua một loại thuốc mọc tóc đổ xuống hồ.

— Thế thì ăn nhảm gì!

— Ăn nhảm chứ. Chờ vài ba ngày khi cá bắt đầu mọc tóc, tôi ra bờ hồ khoác một cái blouse trắng, tay cầm tông dơ, kéo và mồm reo to "Hớt tóc không tính tiền" là cá nhảy lên như điên.

NGOAN ĐẠO

Sau kỳ thi vấn đáp, người con trở về ông bố liền hỏi:

— Thế nào liệu mày có đậu không? Trả lời trúng không?

— Dạ...

— Sau mỗi câu trả lời mày thấy nét mặt, cử chỉ của giám khảo thế nào?

— Con thấy ông giám khảo là người ngoan đạo.

— Mày thấy sao mà lại nói thế?

— Dạ, cứ mỗi khi con trả lời dứt câu là ông ấy lại dơ tay lên trời kêu: «Lạy Chúa tôi!»

YẾU ĐIỂM

Đàn bà thường rất ghét đàn ông cù giữa các ngón chân của họ.

Nhưng lại rất thích khi được cù giữa hai ngón chân cái.

TRƯỚC HAY SAU

Một nhà triệu phú đặt một họa sĩ danh tiếng vẽ một bức tranh ông A Dong và bà Ê Và bằng sơn dầu. Họa sĩ hỏi:

— Ông muốn vẽ ông A Dong, bà Ê Và trước hay sau khi phạm tội.

Nhà triệu phú chặc lưỡi:

— Tôi muốn lúc... đang.

SAO HỐT HOÀNG THẾ?

Một bác thợ mộc chuyên môn sửa buồng tắm, đẩy cửa buồng bước vào thì gặp một thiếu phụ lộ một tòa thiên nhiên. Người đàn bà hốt hoảng rú lên vội vò kéo khăn tắm che kín ngực. Bác thợ mộc nhìn bà tỏ vẻ ngạc nhiên rồi bình tĩnh nói:

— Sao mà bà hốt hoảng thế. Từ bé đến giờ bà chưa thấy một người thợ mộc nào sao?

ĐANH ĐÁ

Trong một kỳ thi giáo sư sinh vật học hỏi một nữ sinh viên:

— Cô cho biết trong cơ thể người ta có bộ phận nào mà khi xúc động hay kích thích quá có thể lớn gấp mười lần lúc bình thường.

! Cô nữ sinh viên mặt đỏ gay nhưng trấn tĩnh ngay và trả lời vị giám khảo:

— Thưa giáo sư, tôi từ chối không trả lời cả hỏi thiếu nữ nhận ấy, dù rằng tôi bị đánh trượt.

Vị giáo sư cười nhạt:

— Tôi cho cô đề rõ. Bộ phận đó là đồn tử con mắt. Và cũng do sự từ chối trả lời của cô tôi khuyên cô ba điều. Thứ nhất cô nên chăm chỉ học bài hơn nữa sẽ trả lời được đúng câu hỏi, thứ hai cô nên đọc những sách vở lành mạnh để bỏ những ý nghĩ hắc ám trong đầu óc, thứ ba cô không nên quá lạc quan vì như thế cô sẽ thất vọng khi lấy chồng.

NHẬN XÉT VỀ DÂN TỘC MỸ

Một buổi chiều mưa gió, tại miền Viễn Tây nước Mỹ. Một chiếc xe hơi ngừng trước một khách sạn. Một thiếu nữ bước ra khỏi xe tiến vào khách sạn hỏi người quản lý.

— Ông còn phòng không?

— Hết rồi. Nhưng tôi có thể nhường cho phòng tôi trên lầu và tôi ngủ ngoài hiên nếu cô chịu trả hai đô la.

— Tôi bằng lòng.

Thiếu nữ vừa vào phòng chừng 5 phút thì một chiếc xe khác tới. Bốn vị tu sĩ bước vào khách sạn hỏi thuê phòng. Người quản lý nói:

— Con chỉ còn một phòng duy nhất và đã nhường cho một thiếu nữ thuê.

Một trong số bốn tu sĩ nói:

— Chúng tôi là những nhà tu hành, những sĩ giả của Thượng Đế. Để chúng tôi điều đình với thiếu nữ cho chúng tôi vào phòng và ngủ dưới sàn.

— Vâng, xin quý cha từ thiện. Nếu có ta thuận con cũng xin mời cha trả cho hai đô la.

Bốn nhà tu hành lên lầu và không thấy xuống nữa. Mười lăm phút sau một chiếc xe hơi khác tới, 4 người đàn ông đứng ngoài xe tiến vào khách sạn hỏi thuê phòng. Người quản lý chỉ cho họ lên lầu. Lát sau một thiếu úy to lớn vạm vỡ tới tìm chủ ngủ và cũng được người quản lý dẫn lên phòng thiếu nữ.

Sáng hôm sau, bốn người đàn ông hung dữ xuống trước. Có lẽ đêm qua họ không ngủ được. Mỗi người gọi một chai CocaCola uống hết rồi từ tiền, ra đi. Lát sau tới lượt bốn nhà tu hành xuống thang. Các vị cũng có vẻ mệt nhọc mắt ngủ. Bốn vị cũng gọi bốn chai Coca Cola uống hết, trả tiền rồi ra đi.

Một giờ sau thiếu nữ xuống. Vui vẻ, tươi cười, cô rất khỏe khoắn hơn hồ. Cô kêu một ly uryt ky, uống cạn, trả tiền rồi ra đi.

Sau chót tới lượt người thiếu úy to lớn. Ông cũng hơn hồ tươi tỉnh có vẻ yêu đời. Ông uống cạn một ly uryt ky, vui vẻ thanh toán tiền rồi ra đi.

Qua các sự việc trên, các bạn kết luận thế nào về dân tộc Mỹ.

Gián dị lắm, vì ta có thể kết luận rằng tại Hoa Kỳ tám mươi phần trăm dân chúng thích uống CocaCola.

SÁCH MỚI

Nhà xuất bản HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG hân hạnh giới thiệu,

ĐẤT HỨA

của
NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

Tuyển tập 10 truyện ngắn chủ đề có giá trị nội dung nghệ thuật cao nhất trong 10 cuốn sách cùng tác giả đã xuất bản.

Một vùng trời sâu thẳm, hoang mê kỳ diệu, nỗi buồn ngậm ngùi và niềm vui rực rỡ, những choáng ngợp hạnh phúc lẫn cô đơn... mở ra trong

ĐẤT HỨA * ĐẤT HỨA * ĐẤT HỨA

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG
XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH

KHI CON NHỎ GỖ CỬA ta không thể nào đoán ra nó, mà tưởng lại mụ gác đàn đến quấy rầy, mụ lại sắp la lên về cái mùi hôi hám, mụ nghĩ thấy, làm như ta là một lão già không còn mũi nữa, (bao giờ mụ chả thế), lại còn phải gõ cửa nữa, cứ vào đi thôi chứ.

Nhưng khi nghe tiếng vặn cửa có vẻ rụt rè, ta đã biết không phải cái bộ mặt đáng ghét của mụ sẽ lộ ra, mà đó là một người khác.

Trong cái bóng đêm đen kịt của một cơn giông nín nghẹn, trận mưa đã không thể nào đổ xuống, đứa con gái hiện lên giữa khung cửa như một khối đen đặc, một mùi vị khác lạ, cái mùi vị chỉ những kẻ đã sống vào năm một mình như ta, mới có thể nhận biết ngay.

Con nhỏ đứng sững tại giữa khung cửa, có lẽ mắt chưa quen với bóng tối, nó la, sao tối thế này ông ơi. Vậy ta phải thắp đèn lên để đón lấy sao.

Đứa nào đó? Tôi đây mà. Tôi có ở đây đây. Ông nội có lửa cho con in một que.

Nó đứng thẳng giữa cửa một tay đỡ cây đèn lên cao. Từ trong nhìn ra, ông đưa con gái cắt lên cái nền đen tuyền của khung cửa như một bức tượng nặng, tóc xoắn trên tấm áo trắng gần, màu quần đen lẫn với bóng tối. Cái bóng nặng chịch ngang những cơn gió nồng nực thổi tới. Làm cho hơi thở của ta trở thành khó khăn hơn, có một chút gì đó đã tầm lẩn ào không khí, cái không khí lạnh nhạt, hơi hít mỗi ngày, làm cho nó trở nên cay se, mùi phấn, mùi nước hoa (ở tiền), một thứ mùi vị của đời sống đã xa cách hẳn ta, như một tấm áo cũ lâu ngày mới được gỡ ra, trong vị đã phai nhạt, nhưng chính vì mùi phai nhạt. Đó lại trở nên dễ chịu. Nó không gọi nổi lên một hình thù nào rõ rệt, nhưng từng không xóa hết được những gì có vẻ chợt khơi lên (đó một kỷ niệm, một quá khứ, sự khổ đau, hạnh phúc) ít cả những thứ đó đều đã mờ nhạt như chút hương còn sót lại ở trong ấm áo, mùi mốc meo làm se thắt ruột gan, một năm tro tàn bị gió thổi làm ao động tưởng như vẫn còn một chút hơi nóng bên dưới, nhưng thật đã nguội lạnh từ lâu. Cái mùi ta nghĩ rằng đó cũng gần giống như cái hơi ra già dưới đầm tro tàn, lửa đã đốt hành tro, nhưng lửa cũng đã lìa khỏi ro, lửa đang cháy ở một chỗ khác, uôi già như một năm tro tàn, tuổi trẻ... Sao? Ông có quệt cho cháu xin một que đi. Con, tôi, cháu, ông nội, con nhỏ lộn xộn quá. Thì, thì hãy để ta tìm xem đâu đã chứ. Nó là con nhỏ ở căn buồng phía bên phải, cuối hành lang.

Nó làm cái nghề ta nghe nhiều người, những mụ đàn bà rồi hơi) bán tăn. Nhưng đó là việc của nó. Nó cũng phải tìm cách để sống chứ, tiền ăn, tiền thuê phòng, tiền quần áo. Tiếng nói của con bé nghe bệt và chậm khác hẳn với dáng dấp tròn trịa và nhanh nhẹn của nó.

Khi không nó bỗng cười rú lên, rồi dặt, làm gì mà lại mò như con ma tới vậy ông ngoại. Hừ, từ ông nội này giờ bay lại muốn ta thành ông ngoại này nữa. Tiếng cười ré lên, rún rẩy

trong cổ họng, có lẽ cả người con nhỏ đang rung cả lên.

Cùng với tiếng cười ấy ta lại nghĩ thấy rõ ràng quá sức cái mùi thơm cay kỳ dị làm ta cay đắng. Nỗi cay đắng, hình như đến cái tuổi sáu mươi của ta, chỉ còn có nỗi cay đắng là có thể tiết ra một cách dễ dàng, trong khi mọi thứ khác đều đã nên tri tri, khô héo, khắc khổ.

Cái cơn giông bị hơi nóng đè nén, thỉnh thoảng vẫn lọt tới những cơn gió mát hơi nước của trận mưa đang chờ dịp đổ xuống, thổi lọt vào trong phòng, không lối thoát tâm hồn cái mùi thơm luôn luôn vào người ta, làm lơ lửng chân tay, trong một phút ta bỗng cảm thấy già sạm hẳn (một kẻ nào đó đã nói: già là một chứng bệnh không chữa được) không còn một hy vọng nào đáng kể, cái mùi thơm đánh thẳng vào khứu giác ta như một chất độc làm thương tổn, một nỗi tuyệt vọng thanh bình, bởi ta không thể còn một phản ứng nào chống trả, chỉ còn một bộ tịch oai nghi, lạnh lẽo, một bộ tịch cho tất cả mọi trường hợp.

Tiếng lộc xóc của bao diêm cầm, con nhỏ nghe thấy, nó nói, cụ đưa cháu quẹt cho. Ta bật que diêm, lửa bật lên nhưng lại tắt. Tay nó run lật bật thế sức mấy quẹt được. Vậy mà cầm lấy mà quẹt.

Cây đèn được châm lên. Thứ ánh sáng chập chờn của ngọn lửa soi sáng lần lần căn phòng, căn phòng như một chiếc quan tài đóng kín, thứ ánh sáng hiu hắt này đã lâu ta mới lại nhìn thấy, thật là kỳ quặc, đứa con gái đặt cái hộp quẹt xuống bàn, giờ chiếu đèn lên cao ngó nhìn quanh quất căn phòng, từng góc một, mọi thứ nó trông thấy hình như đều làm nó ngạc nhiên, (có gì đáng ngạc nhiên cơ chứ, một chiếc tủ, một cái bàn, cái giường, hai chiếc ghế để mỗi chiếc một góc nhà), những quần áo cũ bẩn, giấy dệp vết mỗi chỗ một nơi đã dành ta không có thì giờ xếp chồng gọn gàng, có thể con mụ gác đàn nó mới có dịp rửa lên ta chứ, cái nhìn của nó cuối cùng dừng lại trước ta, có gì mà con cười, con nhỏ đẹp hơn ta tưởng, nghĩa là ta muốn nói, nó đẹp hơn những lần ta nhìn thấy nó ăn mặc dằng hoàng để đi đâu đó qua cửa.

Có lẽ nó vừa tắm xong, tóc gội còn ướt, những giọt nước chảy thấm xuống áo chưa khô hết thành những chấm tròn, hai mắt tối đen trên gò má cao, già là lúc người ta sẽ cảm thấy mọi người đàn bà đều đẹp thật, bố ở có một mình thôi há bố, không trả lời, ngọn đèn bóng ngẩn ngơ, có lẽ là ngọn đèn ta vẫn thường thấy trên mặt chiếc bàn con ngồi tắm ban giờ, của những đứa con gái làm cái nghề tương tự, cái thứ ánh sáng âm u bệnh hoạn đó, đôi khi, đã làm cho kẻ tôi bại đến như ta (ít nhất là trong những phút năm cạnh ngọn đèn đó) phải rùng mình khiếp sợ, đó là lúc đời sống không còn phải che giấu gì nữa, đời sống được đẩy lên cao nhất, đó hình như cũng là lúc nó sa xuống thấp nhất, khoai lạc một đời khi làm tui nhục thân xác, cái thứ tù ngục im lặng, âm u, như hai thân xác xa lạ xấp lại với nhau trong yên lặng, mỗi đứa theo đuổi một mục đích riêng, trong bóng tối lung linh của ánh lửa chiếu qua chiếc màn thêu, mọi

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN



m u a h e

thứ nhìn thấy không còn ra hình dạng gì nữa, đời sống như một tấm lưới mịn màng chụp xuống tha hồ cho các con giẫy dụa, vẫn ngọn đèn đó soi tỏ ta trong về già nua lúc này, (ngọn đèn khác), ta giờ tay lên xoa bộ râu xám bạc nháp cứng, đứa nhỏ cười thành tiếng, sao ông để giường nệm của ông bừa bộn thế ông, thì ta làm gì có thì giờ dọn, cháu thấy ông nghĩ cả ngày mà, ông có làm gì đâu, ta không làm gì thật nhưng ta không có thì giờ, ông cười thế không trách cái bà già bà ấy kêu ông hoài, hừ, mụ lại đi nói cả với em sao, thì có ai mà bà ấy không nói.

Đứa con gái tự ý cầm cây đèn đi lại phía trước tủ thấp đứng quần áo đặt lại chiếc lọ hoa (vật đẹp duy nhất của căn phòng) bị gió thổi lật tự bao giờ, chút xíu nữa thì nó rớt bệ của ông còn gì.

Nó đứng lại trước tấm hình (khỏa thân) ta đã lấy đầu đó trong một cuốn lịch, một tờ báo, treo trên đường, ta phải chờ xem nó sẽ nói gì về tấm hình này, nhưng con nhỏ đã không nói gì hết, nó đã quá quen với những tấm hình như thế hay không để ý đến tuổi già của ta?

Ông không có con sao mà ông ở một mình? Không, ta không còn đứa con nào. Đáng lẽ ta sẽ không trả lời con đâu, nhưng không sao, nói với con cũng như nói một mình vậy thôi. Không còn? Vậy là cụ có con nhưng họ đã bỏ cụ hả? Ừ, ta có hai đứa con trai. Nhưng chúng đều đã đi trận và chết cả. Trời đất. Ông để con xếp lại cái giường này cho ông. Ông bừa bộn thế này ông còn khổ hơn nữa.

Ái nói với mụ là ta khổ,? Thì cứ trông cái giường nệm ngổn lên thế này, ông có mệt, ông cũng không muốn nằm xuống nữa. Thế mà không khổ à. Con nhỏ liếc đi lại lảng vảng xếp lại tấm chăn, kéo lại tấm vải trải giường, kéo cho tấm vải phẳng phiu, đập đập trên mặt giường, rũ mấy cái gối, xếp ngay ngắn

đầu đó, đầu giường, cuối giường, cây đèn, cây đèn nó đã để lại lúc nào trên mặt bàn cháy thẳng ngọn lửa, màu vàng khè của ánh lửa rồi cái bóng to lớn của đứa con gái choán kín một góc phòng. Ông thấy không, trông cái giường gọn ghẽ thế này có phải ông còn muốn ngủ cái lưng xuống không?

Cái mùi lạ lùng ta nghĩ thấy lúc nó còn đứng ngoài cửa, bây giờ nó vào hẳn trong này, lại biến mất. Ta thử hít hít mũi vẫn không thấy. Con bé, ta đâu có muốn con làm đứa con ngoan của ta. Đừng đóng cái vai trò kỳ cục đó. Cháu cũng như ông, ở một mình mãi cũng chán.

Nhà cửa của cháu lắm lúc cháu có thiết dọn dẹp gì đâu. Nhưng trông thấy ai ở không gọn gàng cháu lại thấy ngứa mắt. Ông trả tiền bà già hàng tháng ông phải bắt bà ấy lo sắp xếp nhà cửa cho ông chứ. Nó rúc lên cười, hay ông mê bà rồi không dám sai bà nữa? Con ăn nói như thế con làm đi là đáng kiếp.

Nhưng ta cũng chẳng muốn làm đau lòng con làm gì, ta sẽ chẳng bao giờ nói với con cái nghĩ đó của ta đâu. Mùa hè năm nay sao nóng quá hả ông.

Đem ngủ như nằm trong cái lò vậy. Nó đi lại nói liên thoảng luôn miệng, lấy chân gom lại những chiếc dép xếp cho có hàng dưới chân giường, kê lại mấy chiếc ghế cho ngay ngắn, tự ý kéo mấy chiếc gối tu, tìm một ngăn trống nhất đóng quần áo bần quơ trên giường vào. Ông coi, thế có phải cái phòng của ông có thoáng hơn không. Mãi tới lúc đó ta mới chợt nhớ ra, đời sống của ta hình như đã dừng lại trong chỗ lắt.

Đã từ lâu, ta đã ngồi nhìn ngắm đời sống, và đời sống diễn ra dưới mắt ta trong sự ngó nhìn yên lặng đó, diễn ra lặng lẽ như ở phía bên kia một tấm kính trong, không còn một hoạt động nào bên trong nữa, ta muốn nói, phía bên này tấm kính. Đứa con gái đã lọt vào cái chỗ kín bưng của ta bên này và khua động

lên, làm ta không còn kịp nhận ra phương hướng của ta nữa.

Sự đổi thay đột ngột này làm ta ngỡ ngàng thật sự, (Già là một cách tập sống lại). Những đứa con bất hạnh của ta giá đừng chết đi, có lẽ nó đã giúp ta khỏi thất thế trong cái vùng khô cứng này. Hình như từ lúc đứa con gái xuất hiện ở trước cửa phòng, ta đã muốn nói với nó một điều gì đó, nhưng nó đã đi chuyển, cứ động nhanh trí tưởng của ta, làm ta phải dồn cả sự chú ý theo dõi nó, đến nỗi quên mất điều ấy. Bây giờ ta muốn nói lại thì mọi việc đã sai lạc quá xa rồi, quá xa sự thuận tiện để ta có thể mở miệng nói với nó điều đó.

Ta phải lần lại sợi giây từ đầu. Ta muốn nói ta có tiền, con cần tiền, ta... Một cơn gió thổi bùng hắt cánh cửa sổ bên ngoài đập vào tường một tiếng chát chúa. Đứa con gái ngồi lọt vào chiếc ghế nó vừa kê lại, đưa mắt nhìn ngó căn phòng, vẻ đắc ý. Ngoài khung cửa, phía bên kia những nóc nhà, bầu trời, chỉ chít những sao, trông như ngã thành mậu xanh, những vì sao lấp lánh sau làn mây mỏng như được phủ đều bằng một lớp khói, bầu trời xanh đục, không thể phân biệt được chiều hướng của các tia sáng, ở những quãng tối hơn, mảnh trời trông tím sẫm, nhưng ánh sáng vẫn chiếu lọt chung quanh khe viền của những dọn mây nhỏ.

Ta phải nói với nó như thế nào đây. Một lão già như ta, nếu ta có thể bắt đầu được, bằng không sẽ là một điều khó coi, tuổi già, trước hết, đối với ta, là một ngăn cấm, các con ta đã chết, ta có cần làm gương cho ai, ta có cần phải sống như mọi lão già khác, nghĩa là sống như một cái xác chết còn cử động được!

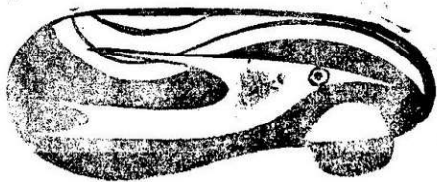
Mùa hè, cái mùa nóng nực này càng lúc càng khó thở, chỉ còn một cách, đáng lẽ con nhỏ phải đọc được ý muốn của ta, rồi sự sẽ diễn ra dễ dàng nhưng về già rồi là một cách lừa dối, cái miệng thưa, ít mỗi của con bé hé ra hơi quá, những chiếc răng trắng nhòe phớt lờn ngọn lửa bắt đầu lay động, làm cho cái cười của nó càng thêm ma quỷ, không, ma quỷ đã đột nhập vào cái thân thể đang tàn rụi của ta, sự ham muốn không hơn ngọn đèn leo lét, nhưng cháy bùng đốm làm ta muốn tự bóp cho tắt hẳn, cho đến tối thật sự mù lòa.

Tám áo mỏng lượn vòng trên hai cái vai mềm và đầy của nó, bó sát lấy cái eo nhỏ, từ đó chảy láng mượt màu vải óng ánh của chiếc quần lụa đen, màu vàng của ánh lửa bập trên những chỗ mặt vải bị uốn cong, những nếp vải xếp lại dọc theo hai bên cạnh sườn, và hai vật áo tề ra bên bụng bắt đầu từ chỗ cái khuy cuối cùng. Trong một phút, con nhỏ bỗng im phắc như một pho tượng. Có lẽ nó đã linh cảm thấy một việc gì. Có lẽ nó ngạc nhiên vì chợt nhìn thấy cách sống của một lão già như ta.

Không, có lẽ con không hiểu được không bao giờ có thể hiểu được nỗi cay đắng trong lòng ta, không phải chỉ là sự nặng nề của một cái thân đã tàn tạ nhưng chưa thỏa, nhưng mà vì ta còn muốn hút lấy cái đời sống còn đây nơi con, cái đời sống mà ta đã kiệt quệ, cái đời sống chỉ có thể lấy từ một người khác, cái đời sống không còn thể truyền tiếp nữa, như con ong hút lấy mật của một bông hoa, điều đó chắc con không biết được, đời sống bây giờ như ngọn đèn cháy trong không...

khung cửa mở

HUỖNH PHAN ANH



nghĩ về văn chương

I

NHỮNG Suy nghĩ về Văn chương thường đưa tới lúng túng, lạc lõng, nghi ngờ. Đó chính là dấu hiệu mới. Tôi không ngần ngại gọi: dấu hiệu của thời đại mới thuộc địa hạt văn chương chữ nghĩa. Bởi dường như đã có sự thay đổi mai đây có thể sẽ làm lay chuyển mọi viễn tượng, mọi niềm tin xưa cũ đã tới hồi đảo lộn đã đi hết đoạn đường vinh quang của chúng. Như văn chương kia chỉ còn là những ngọn lửa yếu ớt không níu kéo nổi một thời vàng son đã đi qua; văn chương, một cái gì đã trở nên lỗi thời. Vâng, người ta đã bắt đầu nói tới những nhà văn sau cùng, tới thế hệ chung cuộc của văn chương. Những kẻ tiền phong của văn chương hiện đại, Kafka, Musil, Joyce..., lại là những kẻ mang đến cho văn chương tình cảnh hiểm nguy chưa từng có.

Những tác phẩm của họ hay sự hăm dọa trên chính thân phận tác phẩm. Tác phẩm? Họ không có tham vọng gì về tác phẩm, đối với họ chỉ còn là một danh từ rỗng không ý nghĩa. Với họ, người đọc bắt đầu nhận ra triệu chứng phá sản của văn chương khởi từ sự lung lay của ý thức sáng tạo và những phạm trù quen thuộc liên hệ tới nó. Hơn là sự bạo động trên hình ảnh con người như một ý thức, một tự do, một đặc ân (Tác phẩm căn bản của Musil mang tựa đề: Con Người Không Nhân Cách, hơn một lần Kafka đã nói về con người như một biến thể, một hóa thân...), tác phẩm còn thể hiện sự bạo động trên chính tác động hoàn thành tác phẩm: Sáng Tạo. Nhà văn viết chống lại sự sáng tạo, viết không để hoàn thành tác phẩm lại càng không để đạt tới một thứ danh vọng từ xưa nay vẫn dành riêng cho kẻ sáng tạo. Hẳn viết trong khốn khổ bởi hân là kẻ đầu tiên phủ nhận công việc của hân. Nếu nói theo Sartre, viết là ném một tiếng gọi, tiếng gọi của hân nhất thiết không để được nghe hay đáp lại bởi tiếng gọi không gửi tới một ai bởi sự cô đơn của hân vô phương hàn gắn bởi viết đối với hân chính là kinh nghiệm toàn vẹn nhất của sự hủy diệt. Đã nghe nói tới sự vắng bóng con người. Ý thức lùi lại, ẩn mình. Đã nghe vang lên những lời buộc tội, kêu cứu. Đầu chỗ đứng của con người. Đầu những giá trị nhân bản. Và văn chương rồi sẽ đi đến đâu.

II

Nghĩ về Văn chương. Nói về văn chương Dường như có sự mâu thuẫn hay một cái gì không ổn ngay trong những tác động này. Bởi nghĩ, nói về văn chương, bây giờ, có nghĩa là nghĩ nói về những gì không còn thuộc về văn chương nữa, đã trở nên lỗi thời, đã đi qua. Tức là nghĩ và nói về trong nghi ngờ, tê lạnh trước một số ý niệm vẫn gắn liền vào văn chương.

Nhìn một quyển sách vừa mới xuất bản nằm trong tủ kính. Quyển sách đã từng là cơ hội để người ta có thể bàn bạc, suy tưởng trên bao nhiều điều hệ trọng.

Nó là hiện thân của sự sáng tạo và người viết nên nó không chỉ là một nhà văn hay một nhà tư tưởng: đó là một nhà sáng tạo. Quyển sách, món đồ sáng tạo, đương nhiên được nhìn nhận là một tác phẩm và, hơn thế nữa nếu cần, là một tuyệt tác phẩm. Quyển sách còn là một hứa hẹn. Nó hứa hẹn về phía người đọc sự cảm thông, ngưỡng mộ, về phía nhà văn một danh vọng nào đó và rất có thể sự bất tử của hân về sau này trong lịch sử văn chương (văn học) hay trong lịch sử con người. Ôi bao nhiêu bóng ma đè nặng lên một quyển sách. Người ta đọc sách? Không. Người ta tìm kiếm một bóng dáng thiên tài. Người ta viết? Không. Người ta đang tìm cách xác định chính mình như một khả năng sáng tạo, vẽ vời, một Thượng Đế nhỏ.

Biết bao nhiêu hình ảnh, chữ nghĩa bóng bẩy chỉ để ca tụng người làm văn chương, người nghệ sĩ, người sáng tạo: một mẫu người vượt lên trên mọi người.

Văn chương đã là một huyền thoại. Người làm văn chương đã là kẻ đặc ân. Mọi người hầu như đã chấp nhận sự việc đó không mấy khó khăn nếu không nói là dễ dàng với một mực độ nguy tín hay huyền hoặc nào đó. Và phải chăng trong ý nghĩa đó người ta không chút ngần ngại lớn tiếng hô hào về vai trò nhà văn trong xã hội, sự mệnh văn chương trong thời đại v.v... (nhà văn có thể đóng vai trò gì ngoài việc viết văn? văn chương có thể có sứ mệnh gì vượt ngoài chính nó?..)

Một quyển sách là gì nếu không là những chữ được viết nên. Sự thật đơn giản bao nhiêu. Nhưng đề đến với nó, bao nhiêu ngộ nhận và hư tin phải được san bằng trong trí tuệ con người. Nhận ra sự thật đó, có thể nhà văn và cả người đọc sẽ gặp nhau trên một niềm tin khác có thể ít hứa hẹn hơn nhưng chon thật hơn (Platon xưa kia đã đề nghị tặng hoa cho thi sĩ. Một vòng hoa cho thi sĩ: phải chăng đó là một cách nhìn, một thẩm định đúng mức).

Nghĩ về văn chương: một lần nữa với hy vọng là một lần sau cùng lướt qua trên những ý niệm độc đoán đã trở nên sa đọa: T hiên tài, tác phẩm, sáng tạo... Chỉ cần lắng nghe (với một sức kiên nhẫn, chịu đựng nào đó) những giải thích, biện minh về những ý niệm trên với những lúng túng không tránh được: bao nhiêu đó đủ cho bạn thất vọng.

Còn ai để nói về thiên tài. Bởi còn ai để đóng vai thiên tài. Đây là tác phẩm lớn. Bởi đây là định nghĩa khả dĩ có thể chấp nhận được về một tác phẩm lớn.

Nghĩ về văn chương tức là càng với văn chương quay lưng trước những ngộ nhận xấu xa, những huyền thoại phỉnh lừa.

Trước hơn ai hết, nhà văn là kẻ nghĩ về văn chương ngay trong tác động viết của mình. Viết đối với hân không chỉ là cách đặt con người và vũ trụ thành vấn đề. Hân viết, hân đặt chính hân chính động tác viết của hân thành vấn đề. Tác phẩm hay cách đặt vấn đề trên chính tác phẩm.

III

ĐỐI VỚI NGƯỜI VIẾT, người đọc cũng như người phê bình, nghĩ về văn chương không có nghĩa là nghĩ về tác phẩm như một khẳng định vững vàng, nhưng là nghĩ về những động lực, hân còn là bí ẩn, làm nên hay không bao giờ làm nên tác phẩm. Tức là tìm kiếm khởi điểm của tác phẩm thay vì chính tác phẩm. Tác phẩm tự nó là một câu hỏi, một tìm kiếm dần dần và miên tục nguồn cội của chính nó (Maurice Blanchot).

Hành trình của văn chương không đi tới. Nó trở về trên khởi điểm, trên bản thể của nó. Một số nhà phê bình đã gọi Kafka, Beckett... những nhà văn sau cùng bởi tiểu thuyết của họ không cho phép người ta hy vọng gì dù ở con người dù ở văn chương.

(Xem tiếp trang 12)

văn minh : mù

(Tiếp theo trang 5)

tất cả. Duyên nghiệp nào cũng chỉ đưa đến một kiếp sau tương tự mà thôi. Vì thế nên Phật mới dạy rằng vòng Luân Hồi vô thủy vô chung—vô thủy vô chung là một hình ảnh của một con đường phẳng mặt, đi ngang.

Tôi thiết nghĩ chính từ đó mà Phật đề ra quan niệm tu dưỡng để giải thoát, chứ không phải để tiến bộ.

6

CÓ NGƯỜI CHO RẰNG đạo Lão tương tự như đạo Phật. Tôi tự xét mình không hiểu đúng như vậy. Đạo Lão còn xa lắm mới thành một hệ thống tư tưởng trọn vẹn. Đạo lão chấp nhận sự sống như một hiện tượng tự nhiên, và đưa đến một quan niệm tự thoát mình—nghĩa là tâm hồn mình—ra khỏi sự dằn vặt của cuộc sống. Sống thế nào cho thuận với thiên nhiên, thì tự khắc cái gánh nặng của vật chất sẽ được cất ra khỏi hai vai nhỏ bé của chúng ta. Thế thôi.

Đạo Lão, theo tôi hiểu, báo trước sự hình thành của đạo Khổng. Phu tử chính là người tìm cách nhập thế, làm việc đời, mà thuận với Trời Đất. Chúng ta có thể nói đạo của Phu tử là đạo của người trí thức.

Người ngày xưa, trí thức với đại chúng, có học với vô học, khác nhau như trời với vực. Người ta đã dành không thể nói trí thức coi đại chúng như loài vật, nhưng người ta có thể nói trí thức coi đại chúng như con cái, luôn luôn phải dạy dỗ, dè chừng và xa cách.

Tôi không có ý nói đạo của Phu tử như thế là sai lầm. Tôi muốn nói rằng chính sự chiêm ngưỡng thiên nhiên đã làm cho các bậc thánh nhân, và Phu tử, xác nhận rằng loài người luôn luôn nhỏ mọn vô cùng đối trước thiên nhiên. Bậc thánh nhân không dám tự nhận mình đã biết ý định của Trời Đất, nên lúc nào cũng cố giữ thái độ khiêm tốn của một người: «biết mình không biết chính là biết rồi vậy».

Thành thử người trí thức, theo đạo Khổng vừa kiêu hãnh vừa run sợ. Sự học được ý thức như một thứ ánh sáng vừa làm sống người, vừa giết người. Vì thế khác với người Tây phương, kẻ sĩ thì theo đạo Nho rất thận trọng trong việc chọn lựa học trò, «Tiên học lễ», lễ ở đây là đạo đức. Người không có đức, dù có giàu sang, không được học. Thậm chí có người khám phá, phát minh được những điều hay, nhưng không biết chắc công phu của mình sẽ có ích hay có hại, thì tự lánh vào rừng râu đầu kín việc làm của mình, vì sợ nó lọt vào tay kẻ nghịch với đạo Trời.

Hệ thống tư tưởng của Phu tử, vì thế, có gần gũi đời sống hơn đạo của Phật, nhưng kết cuộc, cũng tìm giữ đời sống của cả dân tộc Trung Hoa ở mức độ cực kỳ kinh tế về phương diện ý thức nhưng cũng ngưng đọng về phương diện tiến nghi vì ngay trên căn bản của đạo lý, mọi sự cạnh tranh đều không xứng đáng với người quân tử.

«Thành là đạo của Trời, trung là đạo của người» ý muốn của Phu tử

không khác xa ý muốn của Phật, là tránh không gây biến cố. TRUNG DUNG là hệ thống giáo điều đưa đến con người theo con đường TRUNG đến đạo THÀNH. Tôi có cảm tưởng như chúng ta có thể so sánh quan niệm TRUNG, THÀNH của Phu tử với quan niệm Luân Hồi của Phật: Phật cho rằng con đường sống vô thủy vô chung, Phu tử cho rằng con đường đó có chỗ tận cùng, chỗ tới đích, nhưng cái đích ấy lại chính là Trời Đất, nên có đích mà cũng như không. Sự khác biệt chỉ nằm trong một điểm nhỏ. Một con đường đưa đến giải thoát, một con đường đưa đến tu thân—lấy vợ, đẻ con, làm việc đời, nhưng tất cả đều ở mức độ phải chăng, không lui cũng không tiến.

7

ĐẠO CỦA PHẬT, của Phu tử soi sáng con đường đi cho nhân loại Á châu. Scienec sans conscience n'est que ruine de l'âme, người Tây phương biết điều đó từ lâu, mà, mặc dù chưa bao giờ tìm thấy con đường đi đúng theo Lê Phái, người Tây phương vẫn thi nhau phát minh, sáng chế, phổ biến khoa học. Kết quả tất nhiên là sự huỷ hoại linh hồn mà, ngay từ bây giờ, người ta đã thấy rõ.

Người phương Tây làm cho đời sống lâm nguy. John Steinbeck, nhà văn của nước Mỹ, nước tiến bộ nhất về khoa học, đã nói ít lâu trước khi ông chết, rằng «con người—tất nhiên là người Mỹ—được ăn ngon hơn, mặc tốt hơn, học hành nhiều hơn, mà khổ sở mỗi ngày một hơn trước». Đó là lời chứng có giá trị nhất về nền Văn minh Tây phương, một hiện tượng tiến bộ thẳng về phía trước, như một người mù.

Nhưng chúng ta tự hỏi nền Văn hóa Đông phương, một ý chí sống ngưng đọng, có hơn gì? Nếu người Pháp, người Anh, người Mỹ không đem quân sang «khai hóa» cho các dân tộc Đông phương, chúng ta có thể tin chắc rằng trong 10 thế kỷ, hay 100 thế kỷ nữa, loài người ở Á châu vẫn tồn tại, nhưng sự tồn tại với một phần rất lớn dân chúng tiếp tục sống mãi trong một thứ tình thần an nhiên tự đại, nhưng cũng sống mãi trong cảnh đói rét, bệnh tật, bần lây nước đọng, thì sự tồn tại, sự kéo dài đời sống như thế có ích gì hay không!

8

TÔI nghĩ rằng câu hỏi trên đây không cần được trả lời. Người ta không đặt vấn đề «không xảy ra» cho một việc đã hiện hữu. Sự giao tiếp Đông, Tây đã xảy ra rồi.

Dưới sức mạnh của kỹ thuật tây phương, mà các lực lượng tiêu biểu

là chế độ Cộng sản và chế độ tư bản, tư tưởng băng tuần, tinh tế của người Đông phương hầu như lịm chết dần dần. Nhiều lúc tôi cảm thấy tuyệt vọng, khi nghĩ rằng dân tộc nhỏ bé của chúng ta, sau khi thấm nhuần được nền văn hóa đông phương, lại thiếu được cả nền văn minh tây phương, sẽ không làm cách nào thoát vòng lệ thuộc, phi lệ thuộc bên này thì lệ thuộc bên kia.

Nhưng cũng có nhiều lúc tôi có hy vọng đầy tràn trong tâm hồn. Một tờ báo, tờ Informations et Documents do tòa Đại sứ Mỹ ở Paris ấn hành mới có bài nói về các nhóm Beatniks và Hippies, và cho rằng những lớp thanh thiếu niên đông đảo ấy, phần thì xuất thân nghèo khổ, phần thì xuất thân giàu sang, đều là những phần tử khát sống một cách có ý nghĩa. Nhóm Beatniks chống lại trí thức, vì họ là trí thức, và chống lại nghèo khổ, vì họ nghèo khổ. Nhóm Hippies lại chống giàu sang vì họ là con nhà giàu, và chạy trốn sự trống rỗng của đời sống của cha mẹ họ.

Đặc điểm của nhóm Hippies là họ có xây dựng một triết thuyết, bằng cách chấp và đạo Phật và đạo Kĩ tô, và tư tưởng sống theo thiên nhiên của Rousseau... Của đạo Phật, họ chỉ nhất được sự kiện Phật bỏ cung điện đi tu, cũng như họ bỏ gia đình đi tìm lẽ sống. Của Chúa Kĩ tô họ học được tình thương và tình yêu—yêu tự nhiên, yêu bừa bãi giữa trai gái. Của Rousseau, họ theo lối sống giữa thiên nhiên, làm những công việc bằng tay chân để kiếm sống. Có lẽ họ đã tưởng như vậy là gan lọc được «tinh hoa của tinh hoa» của đời sống rồi. Nhưng thật ra họ đã thất bại, vì các nhóm Hippies bắt đầu tan rã.

Sự tan rã tất nhiên phải đến. Vì các nhóm Hippies không tự chúng mà thành hình. Vì sự bản khoán tìm kiếm một đường lối không phải riêng là sự bản khoán của tuổi trẻ: đó là sự bản khoán của cả dân tộc Mỹ mà thành phần ưu tú nhất là giới khoa học kỹ thuật.

Nước Mỹ là nước tiến bộ nhất thế giới về khoa học và kỹ thuật. Chính vì thế, vấn đề đường lối được đặt ra cho người Mỹ một cách cấp thiết hơn cả. Nhà bác học về nguyên tử năng, nhà bác học về du hành trong không gian, nhà bác học về cơ động chỉ huy CYBERNETIQUE đều không biết họ phải hướng công việc tìm kiếm về phía nào, vì họ không biết về phía nào là phải. Người ta cho rằng chỉ trong vòng 50 đến 100 năm, nếu khoa học và kỹ thuật của Mỹ (và của Nga, của Hoa lục?) không được đặt vào một con đường nào đó, thì sự tiến bộ xô bồ của chúng sẽ làm cho Trái Đất đổi trục quay.

LỄ TẤT NHIÊN, người Mỹ không chờ đợi ánh sáng sẽ từ phương Đông tới, mặc dù trong Kinh thánh đã báo trước như vậy. Hoặc giả họ hướng về phương Đông, họ sẽ nhĩ về phía Nhật bản. Họ không biết rằng người Nhật chính là một giống người da trắng lạc sang lục địa da vàng. Người Nhật có biết đạo Khổng, qu Vương dương Minh (trí hành họ nhất) và theo đạo Phật bằng cách ngộ thiên—Thiền là hình thức thấp nhất của đạo Phật, vì người ngộ thiên t bất luận mình im lặng, có mắt c không nhìn, có tai c không nghe, m như vậy là cưỡng chế bản thân, cò làm gì có «thường hằng thường tịch»

Lễ tất nhiên người Mỹ không chờ đợi ánh sáng từ Việt Nam chiếu tới Hoa thịnh Đốn. Và lại chẳng riêng gì người Mỹ, chính đồng bào ta cũn chẳng mấy ai tin tưởng ở những điều mà chúng ta sẽ giúp cho nhân lo sau này, mặc dù chúng ta biết, do vậ đồng lịch sử, và do điề kiện địa lý thiên nhiên, dân t Việt chính là điểm giao hòa, chính l nơi nung nấu của tất cả các dòng t tư tưởng lớn, văn minh cũng như vậ hóa, của nhân loại.

Đạo Phật, đạo Khổng, đạo Kĩ tề rồi... lý thuyết dân chủ và đường lè duy vật cộng sản, có cái gì cao đẹ nhất, có cái gì ghê gớm nhất, đều đ được thi thố trên lãnh thổ Việt Nam bắt buộc dân Việt Nam phải chịu đưng phải thích nghi, để sống... Một ch kỳ biến chứng sắp kết thúc, vì mứ độ vận động đã lên quá cao.

Chỉ một bước nữa là tôi tồ hợp đi. Vòng luân hồi, bằng chứn vào sự tiến bộ về khoa học và kỹ thuật bằng chứng vào những công trãi sáng tạo nghệ thuật xưa nay là một con đường... có hướng đi lên, và có nhiều đoạn đứ ra bằng biển cổ. Như vậy, vòng luậ hồi không thể nào vô thủy vô chung Trong sách Trung Dung của Phu Tử chữ «THÀNH» của Trời Đất thật giống như quan niệm «Thượng đế hình thành» của Pierre Teilhard de Chardin

Tôi nhớ có lần quả quyết rằng dân tộc Việt Nam chúng ta sẽ mở đường cứu rỗi cho nhân loại. Tôi xir kết thúc bài này bằng một lán qui quyết thứ hai—Bằng chữ Việt, đặc của Phật sẽ gặp đạo của Chúa ki-tô đạo của Phu tử sẽ gặp Thượng đ của Chardin, vì thật ra, nếu tiến tó một bước, sẽ không còn gì ngăn cách các bậc thánh nhân trong lịch sử.

NGUYỄN MẠNH CÔN
27 tháng 5, 1969

ĐÃ PHÁT HÀNH:

HỒNG LÂU MỘNG

Đại danh tác của Tào Tuyết Cẩn
một trong lục tài tử của Trung Hoa

● CUỐN SÁCH PHẢI CÓ TRONG
TỦ SÁCH GIA ĐÌNH

Cadao đã phát hành:

— NHỮNG TIẾNG KÊU LỚN CỦA
CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN HIỆN ĐẠI

của AUDRE NIEL - MANH-TUỜNG dịch

— ĐÔI BẠN CHÂN TÌNH

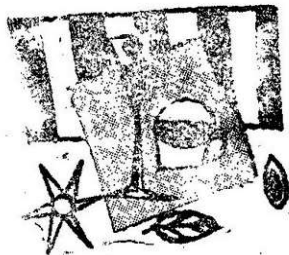
của HERMANN HESSE - VŨ-ĐÌNH-LƯU dịch

SẮP PHÁT HÀNH:

— TÌNH SÂU CỦA CHÀNG
WERTHER

của GOETHE - CHƠN-HẠNH dịch

Thơ có lửa



HOÀNG NGỌC LIÊN • HY VĂN

PHỤ TRÁCH

NỖI NHỚ TRONG THƠ NGƯỜI LÍNH :

- THƯỢNG QUÂN
- HOÀI NGUYỆT DZA-CA
- KIỀU NGỌC LAN
- THƯƠNG TRIỀU LAM

Hành trang anh chịu nặng và dậm đường dài, thật dài, chưa biết bao giờ anh được đứng chân lại. Nhưng trên những bước đi ấy, bao giờ anh cũng nhớ về em. Đầu tiên của « nỗi nhớ trong thơ người lính »,

Nỗi nhớ từ một không gian đến một không gian, người lính đã gửi hồn qua... bên ấy. Bên ấy dĩ nhiên có em, có bóng đèn mờ trong sương, có giấc ngủ thiên thần. Thượng Quân đã viết những dòng thơ tuy có phần buồn thả nhưng cũng thật nhiều tâm sự :

Tôi ở bên này dăng cao nhớ thương,
Thấp canh cô độc giữa đêm trường
Mái nhà êm ấm, em bên đó,
Thấp thoáng bóng đèn mờ trong sương.

Khoảng cách không xa vì giới nghiêm,
Mà vì luật lệ của quân trường.
Khép mình trong nỗi cô đơn lẻ,
Tôi đứng mơ màng súng dựa bên.

Tôi bên này uất nhớ thương,
Bơ vơ quanh quẩn mấy con đường.

Ngó lên trời tối, mây u ám,
Tôi thấy lòng thương nhớ một mình.

Tôi muốn nhìn em giấc ngủ ngoan,
Trong mơ hòa điệu ý linh hồn
Trên nền xanh đẹp Thiên thần quá
Tôi muốn đặt môi trên tóc em

THƯỢNG QUÂN.

Tiếp theo là những vần thơ nhớ của một người con gái mang chiến y gửi cho người yêu ngoài vùng lửa đạn. Thơ Kiều Ngọc Lan cũng có điều kể lể như thường tình phụ nữ và đã gói trọn cả tâm tư để gửi...

MỘT NGƯỜI ĐI

Anh đi tóc rối âu sầu
Anh đi mắt biếc ngả màu chiều đông
Anh đi tháng đợi ngày trông
Anh đi giờ đã môi hồng nhạt phai
Giờ nghe chỉ những đắng cay
Mềm môi tẽ tôi tháng ngày giá băng

KIỀU NGỌC LAN KBC 3060

Đến Hoài Nguyệt Dza Ca thì niềm nhớ thương lại gửi cho người yêu dù lồi hện. Giữa một vùng trời nước bao la, người lính thả hồn về những kỷ niệm xa xưa với những tháng ngày đã qua mang nhiều hình ảnh mà anh chưa thể quên. Qua những vần thơ « Chuyện ngày xưa » của Hoài Nguyệt Dza Ca, ai bảo người lính không thủy chung sống nhiều với lòng mình, với chuyện tình dang dở :

— Chiều dâng biển nhớ tương tư
Tên em anh gọi vọng hư không buồn
Ngày xưa gặp gỡ nhau luôn
Thánh đường tan lè em buông tóc hờn
— Đón em áo mỏng chấp chôn
Quyện trong gió hạ anh sờn chỉnh y
Bây giờ em đã vu quy
Cho anh cay đắng xuân thì xót xa.
— Em mang giọng hát lời ca
Gót hồng nhẹ bước kiêu sa theo chồng
Tôi còn lại một tim lòng
Nỗi sầu dâng đặc ruồi rong dậm tình

HOÀI NGUYỆT DZA CA
(K.B.C 3358)

Người ra đi không quên gửi nỗi nhớ niềm thương về người ở lại. Còn người ở lại nghĩ gì về cuộc chia ly, về một bóng hình vừa lên đường làm nhiệm vụ người trai ? Nỗi lòng ấy, Thương Triều Lam diễn tả trong « Nỗi Niềm » :

Người ra đi chiều nay mưa rơi
Tôi nhìn theo sao không nên lời
Đan tay sầu lòng cõi chơi vơi
Buồn vương vương thương người phương trời

« Chưa nói người ơi ! Tình tôi chưa nói »
Môi vẫn ngập ngừng nước mắt tuôn
Có phải chẳng tình tôi cuồng vội
Người lạnh lị quay bước đi luôn

Người chiến sĩ lên đường có biết chăng nỗi lòng người ở lại :

Tiền một người đi lòng tôi nao nao
Nhịp chân buồn hơi thở xanh xao
Tôi đứng nhìn theo — chân chìm bước
Nói chẳng thành câu lệ đã trào

Dù cách xa, dù đơn lẻ, người con con gái vẫn nhiều tin tưởng ở một ngày mai hội ngộ :

Từ người đi vào nơi sương gió
Tôi cúi đầu chấp nhận đơn côi
Và vẫn giữ niềm tin về anh đó
Dù đường tình không điểm phúc lên ngôi.

THƯƠNG TRIỀU LAM
(VĂN NGHỆ TUỔI RỪNG)

NHÂN TIN

— L.M. (Nha Trang).— Xin cứ mạnh dạn gửi về. Thơ Có Lửa không nhất thiết chỉ dành giới thiệu những sáng tác của người trai mang súng. Tuy vậy nên viết về người lính như cô nói.

— THY NGỌC (Xứ Bưởi).— Gửi về Tòa soạn, anh Viên Linh sẽ trao lại, không thất lạc đâu.

— BUI QUỐC KHÁNH (KBC 4.794).— Lâu rồi không có tin của Khánh. Nhớ gửi sáng tác về.

Phương pháp cải tạo...

(Tiếp theo trang 6)

Khi vào đến miền Nam, sống trong cảnh sung túc, nhưng thấy nhân tâm ly tán, ông lo sợ bị Cộng Sản đuổi theo vào miền Nam. Ông sợ bị bắt lần thứ hai, thì chắc là ông chết.

Mới đây có tin Hà nội đã sáng chế ra một phương pháp hành hạ mới. Họ đặt một thùng nước để cho nhỏ từng giọt lên đầu nạn nhân. Một vài ngày đầu thì không sao, nhưng về sau mỗi giọt nước rơi xuống có sức mạnh như một nhát búa làm cho long óc. Sức mảy mà không bị đánh gục. Nếu quý vị biết rằng những giọt nước mưa dưới mái tranh đã soi thủng viên gạch, thì quý vị sẽ hiểu được nỗi đau đớn của nạn nhân. Người Cộng Sản nghệ sĩ Việt Nam quả là có nhiều óc sáng tạo.

Trong tài liệu tẩy não nêu trên, rút ra từ quyển « Ban có thể tin người Cộng Sản, là Cộng Sản » (You can trust the Communists, to be Communists), có đoạn kể đến trường hợp những người Thổ Nhĩ Kỳ bị bắt làm tù binh sau khi được thả ra đã không

bị tẩy não. Tài liệu ấy không cắt nghĩa vì lý do nào mà họ không bị tẩy não.

Trường hợp ông H.V.C. không bị tẩy não, cắt nghĩa cho sự không bị tẩy não của người Thổ Nhĩ Kỳ. Sự suy luận ấy đã được chứng minh. Báo Time số ra ngày 31-1-1969, khi bàn về các Thủy Thủ của Tàu Pueblo có viết như sau :

« Trong khi các nhà quân sự Mỹ đã theo truyền thống quan niệm rằng sự can đảm chịu đựng, và lòng tin vào lý tưởng, là phương pháp bảo vệ hữu hiệu nhất đối với việc Tẩy Não, thì đã có người nghĩ khác. Nhà xã hội học, Albert Biderman chẳng hạn, nghĩ rằng sự thiếu lý tưởng của người lính là phương pháp bảo vệ hữu hiệu nhất. Người tù binh bình tĩnh, giả vờ hợp tác, nhưng không quá nhiệt thành nhiều khi lại là người rất khó tẩy não. Thường thường những người càng chống đối mạnh bao nhiêu, thì cuối cùng càng bị suy sụp bấy nhiêu ».

Vậy thì quý vị nào chẳng may có bị Cộng Sản bắt đưa đi tẩy não, thì cứ giả vờ nhận tội, giả vờ hợp tác nhưng xin nhớ đừng hợp tác quá nhiều, để có thể làm hại cho Quốc gia. Với phương pháp chống đỡ ấy quý vị sẽ giữ được tinh thần nguyên vẹn để trở về phục vụ cho gia đình sau này. Nếu quý vị nào đã bị tẩy

não, đến nay chưa hoàn hồn chúng tôi sẽ xin cống hiến phương pháp chữa bệnh.

Đối với các giới chức có thẩm quyền thì không nên coi những lời tuyên bố của tù binh ta bị địch quân bắt là quan trọng, và nên phổ biến lập trường ấy cho mọi người đều biết, để có ai nghe trộm đài địch thì không nên ngạc nhiên, và không tin theo những lời tuyên bố ấy.

Đối với các cơ quan có nhiệm vụ điều tra các tù binh của ta được địch thả ra xin hãy gượng nhẹ đối với họ, xin hãy tìm cách nâng đỡ để giúp họ làm lại cuộc đời. Xin đừng vì những lời tuyên bố của họ trên đài phát thanh địch, mà dồn họ vào con đường cùng. Họ đã đau khổ nhiều rồi.

Người Mỹ hiện đang thảo luận vấn đề này. Họ đã cho rằng lời thú tội vì phạm hải phận Bắc Cao, của thuyền trưởng Pueblo là vô giá trị, và sự thừa nhận của giới chức cao cấp Mỹ, khi ký với Bắc Cao để lĩnh các thủy thủ về, cũng là vô giá trị. Họ ký để lấy người về, thế thôi. Ký cho xong chuyện, chứ không phải ký là nhận tội. Bắc Cao cầm tờ giấy lộn, không khai thác được.

8-4-69

TRẦN VĂN KHA

Con người và văn chương như quyền hạn đưa tới cái chết, ngự trị của hư vô. Có lẽ phải nói ngược lại mới đúng. Họ chính là những nhà văn đầu tiên. Bởi với họ, văn chương đã gặp (lại) bản thể của chính nó. Đó là kinh nghiệm nền tảng bắt đầu từ đó văn chương, tác phẩm và chính nhà văn trở thành *khả hữu*.

Với họ người ta bắt đầu nói tới một thứ tác phẩm của tác phẩm, tác phẩm như một tìm kiếm, một khát khao vô hạn về cội nguồn sâu thẳm nhất. Cũng vậy, thơ Holderlin, René Char chính là những chặn đường đưa tới kinh nghiệm nền tảng của thi ca. Họ làm thơ hay đúng hơn họ tìm đến, tra hỏi trên thân phận và bản thể của lời nói thi ca.

IV

NGHĨ VỀ VĂN CHƯƠNG, hỏi về văn chương, đứng trước văn chương như một câu hỏi: một câu hỏi nền tảng, một câu hỏi về nền tảng.

Hegel đã mở đầu những bài giảng về Thâm Mỹ Học bằng câu nói, «Nghệ thuật đối với chúng ta là sự đã qua». Bởi vì nó bắt lực trong việc thể hiện ước muốn tuyệt đối của con người bởi nó chỉ còn phát triển trên bình diện đời sống và văn hóa, nó trở thành một ngành phụ thuộc của văn hóa. Thời vàng son, quyền hạn nghệ thuật đã thuộc quá khứ. Người ta có thể thăm viếng nó : vào bảo tàng viện, vào thư viện.

Người ta vẫn tiếp tục làm nghệ thuật, thường thức nghệ thuật, trao giải thưởng văn chương... nhưng ngay trong hoàn cảnh thuận lợi của nó, số phận của nghệ thuật lại càng bất lợi, như Blanchot đã nói, bởi nghệ thuật đã mất đi tính cách tối thượng của nó. «Nghệ thuật không là gì cả nếu nó không có tính cách tối thượng».

Trong điều kiện đó có lẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi bắt gặp câu hỏi quen thuộc của Blanchot trong những suy tưởng về văn chương, nghệ thuật của ông : « Văn chương đi về đâu và câu trả lời cũng không kém phần quen thuộc : «Văn chương đi về với chính nó, với bản tính của nó là sự tan biến». (Où va La Littérature, trong N.R.F., VII 1953). Có lẽ chúng ta còn phải trở lại với câu hỏi (câu trả lời) đó trên bước đường suy tưởng và tìm kiếm văn chương. Văn chương từ đây như một tan vỡ êm đềm. Và tác phẩm như một hủy hoại tuyệt đẹp.

Bài học Kafka : tác phẩm nhất thiết là một dang dở, một thất bại.

V

SARTE ĐÃ VIẾT TRONG MỘT bài nhận định về Faulkner : «Một kỹ thuật tiểu thuyết luôn đưa về siêu hình học của nhà văn» (trong Situation I, tr. 71). Kỹ thuật tiểu thuyết không chỉ là một công cụ dùng để trang bị cho một nội dung hay một chủ đề tiểu thuyết cũng như ngôn ngữ không chỉ là một thứ y phục của tư tưởng.

Kỹ thuật tiểu thuyết không là phương tiện. Nó có thể là cứu cánh. Nhà văn viết để đi tới một kỹ thuật nào đó, một cách viết nào đó, thí dụ một chỗ nào đó để bắt đầu hay dừng lại.

Trong ý nghĩa này sự dang dở của một tác phẩm không bao giờ là một tai nạn hay một thiếu sót đó chính là sự hoàn tất, trong ý nghĩa nào đó, của một tác phẩm hay đúng hơn của một ý tưởng về tác phẩm. Hơn là một nhà phê bình hiện đại đã lên đường tìm kiếm văn chương bắt đầu từ kỹ thuật, tìm kiếm tiểu thuyết bắt đầu từ những chữ. Nếu nhà văn như trên đã nói là kẻ nghĩ về văn chương ngay trong tác động viết của mình, hẳn chỉ còn có thể nghĩ trên chữ nghĩa của hẳn. Hẳn thu gọn trên từng chữ hẳn viết ra. Và sự mạng của chữ không chỉ là diễn đạt : nó tư duy. Trước hơn ai hết Nguyễn Du đã nói về tác phẩm của mình : một thứ tiếng nói, hơn thế nữa : một thứ tiếng nói đoạn trường. Có lẽ còn một Nguyễn Du nào khác, trên những ngôn ngữ đoạn trường kia,

VÕ PHIÊN nhìn vào văn chương



NÓI CHUYỆN LÀ NÓI MÀ KHÔNG CÓ CHUYỆN

S O VỚI TIỂU THUYẾT TRƯỚC KIA, trong văn tiểu thuyết ngày nay các nhân vật nói chuyện nhiều hơn. Trong nhận xét ấy có hai điểm : nói chuyện, và nhiều.

Nhiều hay ít, nói chuyện vẫn là cái đặc biệt của truyện nhất trình bây giờ. Trước, đã đành tiểu thuyết cũng có đối thoại, nhân vật có nói. Nhưng nói chuyện thì hiếm lắm.

Trong bộ *Tam quốc chí* (1) chẳng hạn, nói với nhau nhiều hơn hết có lẽ là ở hồi thứ bốn mươi ba, ở chỗ «Gia Cát Lượng thiết chiến quần nho». Tại đây Trương Chiêu, Ngưu Phiến, Bộ Chấn, Kiết Tông, Lục Bích, Nghiêm Tuấn v.v... lần lượt đối đáp với Khổng Minh, rồi Khổng Minh đối đáp với Tôn Quyền. Trong cuộc đối đáp, bên này đưa ra một lý lẽ, bên kia phi bác, bên kia đưa ra một lập luận, bên này bẻ gãy... Cứ thế quần nhau. Mỗi bên có mục đích rõ rệt : Khổng Minh nhằm hạ uy tín «quần nho» để xúi Tôn Quyền đánh Tào Tháo, quần nho nhằm hạ uy tín Khổng Minh để xúi Tôn Quyền đầu Tào Tháo. Mỗi bên đều dùng lời nói làm phương tiện tranh thắng bại. Mỗi lời nói đưa ra một lý luận chặt chẽ, đưa tới một hậu quả nghiêm trọng. Khổng Minh nói xong thì Kiết Tông «mắc cỡ nghẹn họng» Nghiêm Tuấn «mắc cỡ gục đầu» thì quần nho «cả thầy đều kinh», thì Lỗ Túc «thất kinh, bèn nháy nhéo» thì Tôn Quyền «biến sắc, giữ áo đứng dậy mà vào nhà sau»; rồi Khổng Minh nói nữa, Tôn Quyền lại «cả mừng», «ngay ngày ấy thương nghị dấy binh hiệp đánh Tào Tháo».

Tam quốc chí xa chúng ta quá chăng ? Vậy thì hãy lấy một tác phẩm gần hơn : *Đoạn tuyệt* (2) của Nhất Linh chẳng hạn.

«Bà hai yên lặng một lát, rồi bảo Loan ngồi lại gần mình nói :

— Nhà ta sắp nguy : Thầy xuống Hải phòng để chạy tiền trả nợ, nhưng mẹ chắc cũng không ăn thua gì.

Loan hỏi :

— Nợ bao nhiêu ?

— Ba nghìn.

— Nợ ai thế mẹ ?

— Nợ bà Phán, mẹ con bên ấy.

Loan sững sờ.

— Nợ từ bao giờ thế ?

— Từ năm ngoái, mẹ con còn ở nhà.

Thấy bà Hai lắc đầu chán nản, Loan cau mày bực tức nói :

— Nhưng không có tiền trả thì thôi chứ làm gì.

— Làm gì ? Bà ấy đe dọa tịch kỷ.

Nói đến đây, bà Hai không giữ nổi uất ức, ứa nước mắt khóc.

Mỗi câu nói là một phát giác. Câu này làm cho Loan «sững sờ», câu kia làm cho bà Hai «ứa nước mắt khóc». Trước khi mẹ con nói với nhau, Loan chưa hay biết gì ; sau năm ba câu đối đáp, Loan trông thấy một sự thực đau lòng.

BÂY GIỜ, thử xem một vài lời trò chuyện trong tiểu thuyết nhất trình ngày nay.

Trong *Mã lộ* (3) của Viên Linh, Năm Xích Long và cô vợ trẻ là Ba Duyên nói chuyện với nhau :

— «Sao mỗi lần tôi nói anh lại cười vậy ? Anh ngạo tôi hả ?

— Tôi ngạo tôi chứ ngạo cô hồi nào. Bị từng này tuổi tôi còn chui đầu vào rọ chó.

— Ai bảo. Lấy vợ thì phải chịu vậy. Có giỏi hừ cừ sống độc thân đi, lấy vợ làm gì.

— Bối.

— Ủa, vậy thì ráng chịu chứ.

— Có ai nói gì đâu ?

— Không nói mà cười.

— Cười cũng không được sao ?

Trong *Chú Tư Cầu* (4) của Lê Xuyên, Tư Cầu và Thắm nói chuyện với nhau :

— «Cố Hai đi chợ có gì vui không ?

Con Thắm lắc đầu :

— Tôi đi rút cho mau để đi cho kịp lo cơm nước đem về anh thì còn thì giờ đâu mà... vui... Có anh ở trong này khỏe ru, chứ tui... tui lo thấy mồ !

Tư Cầu đặt đĩa xuống :

— Cui sao có biết tui vui ? Tui mong cô ghé đi !

Con Thắm nghiêng đầu mỉm cười :

— Chớ hồng phải mong.. cơm hả ?

— Thì... mong cả hai thứ, nhưng mong cơm thì ít hơn...

— Xi, sao lại mong cơm ít hơn ?

Tư Cầu hơi lúng túng :

— Thì... cơm bữa nào chẳng ăn !

Con Thắm đáp lại liền :

— Chớ tui bữa nào mà chẳng vô !

Tư Cầu chưa biết trả lời làm sao thì con Thắm lại nói luôn thêm một câu nữa.

— ...Mà tui có ăn thua gì, có kể số gì để cho anh phải mong tôi mong nhiều ! Tui hồng bằng cái móng chân của người ta !

Tư Cầu đặt mạnh chén xuống :

— Người ta nào vô trông bữa đó ?

Con Thắm sừng sừng đáp :

— Thì... người ta đó chờ ai bộ anh nói tui hồng biết hả ?

Ở hai tác phẩm sau, nhân vật nó với nhau khác hẳn ở hai tác phẩm trước. Năm Xích Long, Ba Duyên, Chú Tư Cầu, con Thắm, họ nói riu riu rít rít hồi lâu, nhưng kiếm điểm lại ta thấy họ nói mà không chủ ý đặt ra một vấn đề gì, không nhằm tiết lộ một sự thực nào, một sự việc gì, không có ý bênh vực một lập luận nào...

Thật vậy, hai đoạn đối thoại vừa rồi diễn ra như thể hai cuộc tranh luận : từng cặp nhân tình hỏi nhau, vặn nhau. Tuy nhiên, cái phần luận lý trong cuộc tranh luận kỳ cục này hoàn toàn không đáng kể. Không có ai thiết bênh vực lý lẽ của mình. Hỏi «sao có biết tui vui ?» cô không trả lời được : không can gì. Lại vặn «tui bữa nào mà chẳng vô ?» chú không biết trả lời làm sao : cũng vẫn không can gì. Ở đây dưới lý không có ai «mắc cỡ gục đầu», không có ai «thất kinh» «biến sắc»... cả.

Việc, thông có việc gì quan trọng để tiết lộ, lý không có lý gì quan trọng để bênh : Câu chuyện ở đây thành ra không có nội dung đáng kể. Năm Xích Long bảo : «Có ai nói gì đâu ?». Ông ta nói đúng : có nói mà không nói gì, không nói gì mà cứ nói hoài nói hoài với nhau, đó là đặc điểm những cuộc đàm thoại trong văn tiểu thuyết ở ta hiện giờ.

Nói như thế là nói chuyện, là trò chuyện

VẬY NÓI CHUYỆN là mà không có chuyện.

Bên cạnh những cuộc nói chuyện kiểu ấy, các đàm thoại trong tiểu thuyết cứ nổi bật lên vì cái nội dung quan trọng. Nói như bà Hai nói với Loan, như Khổng Minh nói với Tôn Quyền, không phải là trò chuyện, mà là giải quyết công việc bằng lời, là tra đối ý kiến. Ở đây công việc với ý kiến là chủ yếu.

Bởi vì cái nói không rời công việc, cho nên trong tiểu thuyết cũ nói không làm cho động tác của truyện dừng lại (trong khi ở văn tiểu thuyết bây giờ có những đoạn nhân vật nói chuyện với nhau gây cho người đọc cái cảm tưởng là truyện giậm chân một chỗ).

Một bên không có nội dung một bên cốt ở nội dung, một bên như thể cuộc đối đáp tại phiên tòa một bên như thể cuộc lễ nhệ vòng vo trong quán cóc bên chai rượu đế... Đàm thoại trong tiểu thuyết trước kia và đàm thoại trong tiểu thuyết nhất trình bây giờ khác nhau không những ở chỗ ít với nhiều, ở số lượng của nó, mà còn khác nhau ở bản chất.

(1) Bản Dịch của Nguyễn AnCư, *Tin Đức thư* xả xuất bản 1949.

(2) Đời nay tái bản — 1967 (trang 83)

(3) Đăng trên *Tiền Tuyến*

(4) *Tiến hóa* xuất bản — 1965 (trang 818-819)

CON ĐƯỜNG MỚI mở xuyên rừng rộng ngút, phủ ngập bụi trắng nhuyền như bột. Tò đại liên của Phùng trấn án con đường ấy và cánh rừng bên mặt. Tò đại liên thứ hai cách khoảng hơn trăm thước trấn cánh rừng bên trái chỗ cây mọc thưa khuyết có mấy ngôi mã đá. Một con đường cũ, lâu ngày vắng dấu qua lại, chạy dài theo bìa rừng. Khoảng đất đóng quân giới hạn trong chu vi từ giao điểm của hai con đường đến bụi cây thấp mọc như một hàng rào, từ bờ đường ngăn cách với rừng vào đến chân cánh đồng cỏ. Cánh đồng cỏ năm cao. Một trũng có tự nhiên giống như giao thông hào nối liền cánh đồng cỏ ở trên và giải đất thấp. Phần còn lại của trung đội ăn dài trong hố trũng ấy.

Buổi trưa đứng bóng. Gió trời thổi xa trên con đường lớn bốc bụi mù như khói trong nắng rung rinh. Hai bên bờ rừng, Phùng nhìn thấy những thân cây khô ngã đổ nằm rải rác. Cả ba trung đội của đại đội đều đã tiến vào lục soát hai cánh rừng trước mặt. Phía sau lưng, Quốc ôm chiếc máy truyền tin mở máy liên lạc. Giọng nói lầu lầu, nhai nhai mãi một điệp khúc. Con nòng của rừng cây phả từng hơi dài theo luồng gió. Phùng thoát ngủ chộp mặt ánh nắng bấu bám quanh mình.

Lúc Phùng mở mắt, một đám đang bầu quanh khẩu súng đại liên như sẵn sàng chờ đợi một biến cố sắp xảy tới. Quốc đã vác chiếc máy truyền tin đến cạnh, tiếp tục gọi không ngớt. Vẫn chỉ những lời nghe anh ba trên năm, anh nghe tôi thế nào, trả lời... Viên sĩ quan trung đội trưởng cầm cần tre, ngồi trên một tảng đất, cời nạy những hòn sạn trước mặt, nghe Quốc gọi. Mấy đứa túm tụm vây quanh Thọ, ngong ngóng hướng mắt vào rừng. Phùng bỏ mặc ba lô và thùng đạn của mình tại chỗ, sách súng lững thững đi vào phía trong.

Dưới hố trũng có được chút bóng rợp, người nằm ngón ngang. Bên lùn cây, cành mọc trời từ mặt đất bên bờ hố, đặt khẩu súng cối, Tú nằm giữa phanh ngực áo thổ phi phò. Phùng ngồi xuống bên lạng lẽ, nhìn ngắm thẳng bé. Mặt phơi trần, nước da mét râm nắng, phở bầy về non rồi đại đột lúc thường được che đầy dưới chiếc nón sắt. Rất nhiều lúc Phùng vẫn nhìn Tú như kẻ đồng trang lứa.

Những tiếng xôn xao từ trên bãi vọng xuống. Nhiều người nhom đầu cao dòm lên, hỏi lẫn nhau: Cái gì thế? chuyện gì thế? Một tiếng đáp lớn, truyền nhanh: một đứa trung đội 22 bị thương. Bị thương thế nào? Tại sao bị thương? Đứa nào, đứa nào? Sao mà biết được. Nghe nói

thế. Tiếng Quốc đột nhiên to hẳn, liên thoảng:

— Hoàn kiếm 2, đây Hoàn kiếm 3... Sao anh nhắc lại, tôi chưa nghe rõ. Một đứa con bị thương... sẽ mang về đây hả?... Ngồi phải chông... Chông hả?... Nhiều chông lắm hả? Còn ai bị nữa không? Đã liên lạc được với Hoàn Kiếm chưa? Đề tôi gọi cho... Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm, Hoàn Kiếm 3 gọi Hoàn Kiếm...

— Chuyện gì thế anh?
— Nghe nói có đứ, bị thương. Trung đội 22.

— Vui nhỉ.
Tú chống khuỷu tay, cất người lên, vẫn không ngồi hẳn dậy. Nó lục bị đồng tìm nước nhưng chẳng còn giọt nào, quay sang xin Cường. Phùng cũng ghé một ngum. Cường dòm lăm lăm vào cổ canh chừng bảo: Nhớ là từ giờ đến chiều chưa chắc có nước. Tú hỏi trông:

— Nuốt đi, nuốt đi. Khỏi cần nước.

Từ trong cánh rừng bên mặt ba bốn bóng xuất hiện thất thểu. Đám dưới hố túa chạy lên bãi đứng đón, thăm hỏi. Bọn đi tới vai đeo súng, hai tay sách nhiều món cười hô hô đắc thắng từ xa. Chúng ném các chiến lợi phẩm xuống đất, mặc cho đám bu quanh tranh nhau cầm ngắm nghía. đứng hoa chân múa tay kể thành tích và cười riếu về cái tin vịt gọi cho hay một đứa con bị thương. Mười lăm phút sau trung đội lục soát cánh rừng bên mặt kéo về đây đủ. Khoảng đất dừng quân nhộn nhạo âm ỉ.

Phùng cầm hộp thịt kho đầy vàng mở đục, đưa lên mũi ngửi lắc đầu. Sinh và Tú loay hoay mở tiếp hộp cá trắng hếu như còn sống Bữa ăn trưa gồm đồ hộp và

trong rừng phủ dưới lá cây. Phùng nghĩ mình sẽ có thể vô ý ngồi bệ trên một chiếc bàn chông và mũi sắt nhọn sẽ găm sâu vào một bên hông. Ngoài mười bàn chông, còn hai tinh nước mắt đủ quai sắc và một tấm ni lông xanh gấp gọt ghề. Phùng ngồi xồm, mở nắp tút xem: trong tút đựng đầy ắp thuốc lá rơi và mấy xấp giấy cuốn. Mũ thuốc lá nồng hắc. Trong một cái tút, Phùng nhặt ra một quyển sổ tay mất bìa, chữ ghi chép lỵ ty. Đó là quyển nhật ký của người ở dưới hầm đã bỏ lại mấy món vật Nét chữ khó phân biệt là của đàn ông hay đàn bà.

Phùng lật vài trang, lơ mơ vớ những con số, với những chữ về buổi chiều tàn chậm trong rừng những đêm âm thầm heo hút và những buổi sáng ngổ ngàng hấp hoan và lo hãi. Một khúc thơ cảm khóa phải đọc gờ hết mới nhận ra: nỗi mong nhớ buổi bã mộng lung, có hình ảnh một ai thất thoát và lời tư phê lãng mạn tiêu cực. Phùng ngồi ngẩn bắt động, mở mở trong nắng lóa tối xam như lúc đi khám mắt bị nhỏ atropine làm cho con ngươi mờ hoác. Ở một góc của tấm ni lông màu xanh lợt què què có lẽ dùng trái nầm, lơ mơ hàng chữ ghi bằng bút nguyên tử: Kỷ niệm của đồng chí M. tặng. Phùng vẫn không thể đoán nét chữ của đàn ông hay đàn bà.

Phía bụi cây mọc như hàng rào nhiều tiếng la gọi kêu réo. Tiếng róc gọi tắt chim ngay trong buổi trưa in đứng ngùn ngụt. Phùng ngó tìm chế nghị, nhớ những bụi quen trên các đồi quanh trại. Những bụi khướu là che giấc trưa rồi đã có lần lẩn Phùng ngủ quên bắt cả trung đội phải trở lại sục sạo kiếm sau khi đã di chuyển sang nơi khác cách cả cây số. Trên khoảng đất, mọi người đều núp lẩn trừ Thọ và Phú vẫn phơi mình giữa cơn nắng rực, cạnh khẩu đại liên. Lúc này Sinh đã đề nghị kéo lui khẩu súng máy thước vào lùm cây phía sau những Thọ nhất định không chịu.

— Anh Phùng, ngồi đây này.

Viên chuẩn úy trung đội trưởng gọi, Quốc nhắc máy truyền tin lấy chỗ cho Phùng. Phùng bắt buộc phải ngồi xuống hai tay khoanh bó gối, nghe chuyện gẫu. Viên chuẩn úy còn trẻ, đóng vai già dặn, cười cợt treu chọc mọi người. Phùng lơ đãng nhìn nền trời cao tuyết trắng bạc.

— Bao giờ thì đi nữa, chuẩn úy?

— Nửa tiếng.

— Thế rồi còn ngủ được một giấc.

Phùng đứng lên, đi lẩn về phía Tú đang ngồi gục mặt ủ rũ. Phùng nằm xuống, gối đầu trên nón sắt ngứa mơn mòng. Những ngọc cỏ khô còn hột trong cổ áo. Tiếng rừ rừ thoảng bên tai. Phùng nghĩ đến buổi trưa êm ả trong vườn măng cực, lá dấy mát rượi, con kính đầy nước với những thuyền nửa chờ khảm, và tiếng cười trong trẻo của Hiền khi bị rượt đuổi.

Tiếng cười ngật ngèo rừ rượi chạy quanh vườn khướu.

(còn tiếp)

ĐẠO THOẠT



Truyện dài của Thanh Tâm Tuyền

— Ai có thuốc nhức đầu cho xin một viên đi nào?

Tú đứng lên bước tránh những thân người nằm, đi dài kiếm xin thuốc uống. Khỏi gọi: lại đây, lại đây cho. Khỏi là tên nhức đầu thường xuyên, mặt mũi lúc nào cũng nhăn nhó. Hẳn cũng là tên hay hỏi ngớ ngẩn dằng dai trong các buổi học, thường bị la ó riếu cợt, lười thủ không bẻ bạn. Khỏi hơi khật khùng, thỉnh thoảng đột nhiên bật cười học như đười ươi Khỏi là Tú:

bánh khô do cục Quân như sáng chế lần đầu tiên mang cấp phát để dùng thử, Phùng không sao nuốt đành bỏ. Phùng ăn mấy chiếc bánh nhạt, khô bờ như đất nùm, uống nước đầy bụng, xong bỏ lên bãi.

Đống đồ vật thu nhặt được bỏ vất trên đất, không còn ai thiết xem. Phùng đến gần nhìn. Những bàn chông nhỏ độc chiếc, để là một thời xi măng cứng hình chữ nhật như viên gạch trên cầm một dây sắt nhọn có ngạnh. Loại chông cá nhân đặt trên những đường mòn

giữa tòa soạn



và bạn đọc

Trả lời thư nhận được trước ngày 27.5.69)

Cô TÔN NỮ HUYỀN SA — An Cựu. — Đang đọc hai bài thơ của cô. Trong khi chờ đợi, cô cứ gởi cho những sáng tác khác.

Bạn BÌNH YÊN — Sg. — Đã đọc đoàn văn bạn gửi. Tuy nhiên bạn vẫn nên gửi thêm. Bạn viết một lá thư không có đến một thủ bút, dù là một chữ ký.

Anh THANH VIỆT THANH KBC 4546. — Đang đọc "Mộng ở Quân Trường" và bài thơ.

Cô TÔ THỊ THỌ 29 Thành Thái Phước Tuy. — Cô gửi cho 35 đồng tem, chúng tôi sẽ gửi ra cho cô 2 số Khởi Hành 1 và 2. KH trở thành tuần báo, như cô đã thấy, tháng nào có 4 thứ năm thì ra 4 số, tháng nào như tháng 5 này 5 lần thứ năm thì ra 5 số. Mỗi tuần một số mà. Đã chuyển lời của cô tới Chủ Trọng.

Anh TÔ NHƯỘC CHÂU, Vinh Bình. — Đang đọc ba bài thơ anh

gửi. Có thể đăng được một trong 3 bài đó.

Anh THU QUẾ, Vũng Tàu. — Thơ anh đang đọc. Sẽ chuyển lời hỏi thăm của anh cho anh T.U. như anh viết trong thư.

HOÀI THI YÊN THI, Biên Hoà. — Đang đọc. Bạn cứ gửi tiếp. Thơ có thể đăng được.

TUY VIÊN. — Anh gửi cho những bài khác trong khi Tòa Soạn đọc mấy bài thơ đầu của anh.

Ông HUY QUANG NG. ĐĂNG QUYNH. KBC 4109, P.TQT. — Chúng tôi đã gửi KH số 1 tới ông. Cảm ơn ông đã cho biết tình trạng phát hành ở Đà Nẵng. Sẽ nhờ nhà phát hành xem lại. Cảm ơn lời chúc tụng của ông với tờ báo.

Anh NG VĂN LINH, Di Linh. — Đang đọc thơ anh.

Bạn HỒ TRINH TUẤN, Gò Vấp. — Đang đọc bài của bạn. Sẽ trả lời sau.

Cô VƯƠNG PHONG LAN, Cần Thơ. — Nhận được thơ. Mà không có thư.

Anh BÌNH YÊN, SG. — Đã nhận được bài.

Bạn SAO TRÊN TRỜI (Vinh Long). — Đã nhận được thơ của bạn. Đang đọc.

Bạn PHẠM CÔNG VÂN, Gò Công. — Bạn gửi cho 35 đ tem, chúng tôi sẽ gửi hai số 1 và 2 cho bạn. Cảm ơn lời khen của bạn.

Bạn TRẦN DZA LỮ, KBC 4671. — Thơ đã nhận được.

Bạn NGUYỄN NHỰ MÂY. — Đã nhận được thư sau của bạn.

NHÂN TIN

Anh THANH TÔN — Tam Kỳ. — Cảm ơn lá thư đề ngày 28-5. Trước khi tờ KH số 1 ra, tôi có nhân tin trên Tiền Tuyến, không đọc à? Gửi bài về. Đúng là chưa toại nguyện. Toại nguyện thế nào được? "Mạnh nha tôi vẫn thói quen giết người". Cho hỏi thăm những anh em ở Tam Kỳ.

Anh LƯU HUỖNH TRUYỀN. Sg. — Đã nhận được mấy lá thư sau này của anh. Kỳ trước tôi lầm tên anh là Tiên. Biết đâu đó là diêm hên. Thử mua số coi. Học mỹ thuật, biết ngay. Giúp được còn gì bằng. Anh cứ ghé T.T buổi sáng hoặc KH buổi chiều.

Anh THANH HOÀI MINH, KBC 3595. — Cảm ơn lá thư của anh. Cũng như anh, tôi cố tin một tuần báo văn nghệ rồi cũng phải đến lúc sống được, mặc dù từ trước đến nay chưa có 1 tờ tuần báo văn nghệ nào sống lâu. Gặp tôi dễ mà. Anh cứ đến tòa soạn, buổi chiều. Sẽ chuyển lời anh và anh TPN cho DTL. Có được một cây bút mới trong tờ báo mình phụ trách là điều tôi vẫn kiếm tìm. Bài thơ anh gửi đang đọc.

Anh TRẦN VĂN SƠN KBC 4185. — Thơ anh sẽ đăng trong một số gần đây. Cũng hy vọng KH sẽ làm nên. Vẫn nhớ cái bút hiệu đó, tiết là không có thêm một bài thơ hay như bài đầu tiên. Có tờ báo văn học nghệ thuật lúc này đồng ý là quý rồi. Buồn vừa vừa thôi, đi kich nhớ đừng làm thơ. Đợi thơ sau.

Thư. PHẠM VĂN BÌNH KBC 3331. — Thơ anh được ghé. Sẽ Đăng trong số tới. Cứ gửi tiếp. Đọc thơ anh vào gần nửa đêm, thấy lạ.

Thư **HOÀNH KBC 4513**. — Bà thơ của anh ào ào. Trước kia vẫn đọc thơ của anh. Bảy giờ thấy khác. Sẽ đăng vào một số tới. Trong khi đó, xin anh cứ gửi tiếp bài cho KH.

TRẦN PHƯỚC TUẤN, An Giang. — Trả lời em mấy điểm như sau: — Có thể gửi bất cứ bài nào cho KH. Truyện càng tốt. Ngoại trừ các tác giả có tên tuổi, bạn đọc gửi bài muốn có nhuận bút, nhớ để ở góc bài: có nhuận bút.

— Các nhà xuất bản rất khó tính, thường thì nhận in và trả bản quyền cho những tác giả nào họ mới tự nhiên em cứ gửi thử cho họ xem.

— Rất bận, không thể chiều lòng em được.

Anh VIỆT CHUNG TỬ - KBC 3835. — Cảm ơn cảm tình của anh đối với KH. Đang đọc thơ của anh.

Anh HOÀNG NGỌC CHÂU, Błao. — Tòa soạn rất khích lệ trước lá thư của anh. Riêng thơ anh đang đọc. Đúng như anh viết phải đương đầu ngay từ bây giờ (mà hơi muộn) trước Mặt Trận Văn Hóa của đối phương.

Anh NGUYỄN UYÊN THƯỢNG, KBC 4493. — Thơ anh đăng kỳ trước rồi đấy. Lần này thì cần thận lắm. Nhớ rồi. KH đang định viết về Huế. Một số đặc biệt về Huế. Khi nào làm sẽ loan báo trước để bạn đọc và anh em viết. Anh nhắc đến Cao Thoại Châu, tôi cũng nhớ anh em, mà anh em không chịu viết. Đang đọc mấy bài thơ sau của anh.

Anh LÊ MINH CHÁNH — Trường QG Cao Đẳng Mỹ Thuật. Cảm ơn lá thư. Thơ anh đang đọc. KH hy vọng làm được điều anh hy vọng.

HÃNG THẦU

LÂM - VĂN - QUỚI

THẦU CHUYÊN CHỞ : GỖ • HOÀNG HÓA BÀNG ĐƯỜNG THỦY

Xã Tân-Thành

— BIÊN-HÒA —

Quận Đức-Tu

BÁNH PHÒNG TÔM

SA - GIANG

VỚI HƯƠNG VỊ THƠM, NGON, DỒN
RẤT HẤP TRONG NHỮNG BỮA TIỆC

281, Phan-thanh-Giàn

SADEO

HÃNG BUỒN SẮT

VẠN - HƯNG

157, Phan-thanh-Giàn

SADEO

BIÊN - HÒA
CLUB

Quốc-Lộ 5

BIÊN-HÒA

MAI THẢO NGHĨ VỀ TUỔI NHỎ

TUẦN LỄ TRƯỚC nhà xuất bản bạn, trong dự định ấn hàng một loại sách hồng cho người nhỏ đọc, có đặt tôi viết cho cái xã hội chim non và cái thế giới mặt biển, viết cho ấu thơ, viết cho lên tám, cho lứa thiếu nhi và cho cô nhi đồng một truyện hồng. Tôi nghĩ tôi không có một lòng lấy thiên đường nào. Để ngắt ngay nhớ lại. Kể cả thiên đường tuổi nhỏ. Tôi lại nghĩ tôi cũng không có một vòm trời nào hết. Để tìm về. Bởi mỗi phút sống tôi là một nhất chém. Nó xóa sạch. Bởi kín. Và chặt đứt. Người ta sống bây giờ, như con ngựa có miếng da vậy, thúc hối mắt nhìn một chiều trước mặt, mắt nào còn nhìn được những là tả tở rời rớt lại sau lưng. Hồi tưởng tốt trước hết còn phải được vận dụng bên nhảy từ một trí nhớ sắc nhọn. Với tôi, giữa cái xưa và cái bây giờ, trí nhớ đã mù sương.

Cho tôi xin, cho tôi xin sắc đỏ

Xin màu xanh về tô lại khung đời

Trời ơi! Trời ơi, đâu rồi tuổi nhỏ

Hôm xưa đâu rồi, trời ơi, trời ơi!

Xuân Diệu đó. Người rượt đuổi và tuổi hồng biến mất. Và quá khứ đã là một bóng hình lặn chìm tôi đây. Nhưng tôi còn nhớ được một chuyện này. Gọi nó là cái tấm nước cuối chót còn nổi lên trên mặt hồ tuổi ngọc.

ĐÊM HỒM ĐÓ, và chừng như tôi đầu mùa thu năm ấy, tôi vừa mười ba tuổi, những tiếng gió quạt dập dờn vào những bờ tường thành lnh làm tôi thức giấc. Bấy giờ vào khoảng ba bốn giờ sáng. Những thước không khí vậy quanh giấc ngủ, lắng đọng, thật lâu nơi lòng bình minh. Mông không dấy của đêm đã lạnh buốt. Sự tĩnh thức đột ngột làm đưa nhỏ trong tôi bàng hoàng trong khoảnh khắc. Một lát nín thở. Tay chân bất động. Mắt tròn bóng tối. Rồi tôi dần dần nhận thức được mình với cái chung quanh. Nơi tôi nằm là một cái sập gụ, kê trước một bàn thờ. Căn nhà lớn gần biển, mà phút đó, không hiểu sao, tôi hình dung được ra hết những hàng cột nghiêm lặng, những bờ

thêm âm thầm, những số góc lạnh lẽo, đã cách biệt với tôi bằng sự cách biệt thăm thẳm của một giấc ngủ bất. Tôi chợt thức. Như thế. Một mình và cùng với tiếng gió, tôi nghe thấy một tiếng động khác. Tiếng động thứ hai này thực ra là một tiếng động muốn vào quen thuộc. Nó đã có, với tôi, từ ra đời. Nó đã ở trong tôi, từ sơ sinh. Nó ru tôi lớn. Như nhịp nôi hồng. Nó hát tôi thành. Như tiếng hát mẹ. Tiếng động đó chính là cái tiếng nói, cái hơi thở thường hằng và nghìn đời của biển. Nhà tôi ở gần biển. Cách bãi một khoảng đường. Những buổi sáng mùa hè, trời tháng tư cao vút, những buổi chiều mùa hạ, trời tháng sáu rực rỡ, tôi thường, một mình, chạy băng qua những đồi cát thấp, ra với cõi vui thênh thang đầy ắp tuổi vàng tôi là biển xanh bao la. Sống đã trăm lần oà vỡ trên da thịt tôi mới. **Biển đã** nghìn lần lênh láng trên tuổi nhỏ tôi hồng. **Tôi ra đời ở biển.** Biển với tôi cùng một tuổi đời. **Tôi lớn lên theo biển.** Biển với người là bạn. Đã có những buổi chiều, tôi chôn ngập bàn chân lên sáu của mình trong cát và hát đến vỡ họng, ngồng cuồng đo lường tiếng mình với tiếng biển điệp điệp quanh thân. Xem cái tiếng mình với cái tiếng sóng sống với người ai lớn tiếng hơn ai.

RIỀNG ĐÊM HỒM ĐÓ, tiếng sóng đời khác. **L'ạ lừng.** Bất chợt. Như trong cái khối óc non nớt, run rẩy của đứa nhỏ mười ba tuổi thỉnh linh thức giấc nơi tôi, tiếng sóng vọng tới, có với nó một đời sống, một chiều sâu, một ý nghĩa nào. Hình như nó đã chảy qua không biết bao nhiêu đất, không biết bao nhiêu trời, mới tới. Ngồi lên từ những tầng đáy sâu thẳm nào. Đổ xuống từ những ngọn đỉnh chót vót nào. Sóng đây gió đi. Gió dẫn sóng tới. Khám phá thứ nhất, phát giác đầu đời về một tiếng động, một chuyện lưu, một tuần hoàn nói chung là một đời sống ngoài mình bởi vô tận cho nên vô hình, bởi bao trùm cho nên ngợp rợn, sau này, tôi vẫn còn nhận cho tôi là một trong những đời đập bắt ngờ và thẳng thốt nhất. Nghĩ đó như là cái phút đầu, tôi thấy, về mơ hồ tạo vật, về thấp thoáng đời kiếp, về tất cả những cái sau này được

gọi tên là tâm linh và hiện hữu. Có điều là đêm năm cũ thức vì sóng đập, tôi còn nhỏ. Nhận thức phút ấy, chỉ là một linh cảm, mang toàn vẹn sắt thái bí ẩn của một huyền nhiệm không tên gọi.

T IẾNG SÓNG ĐÊM ẤU THƠ XƯA, tôi bây giờ đã tắt chìm vào một bến bờ quá khứ. Tôi không còn bàng hoàng trước một thứ tiếng động, nào. Để làm dấy cho cái bình âm thanh của mình như anh, như mọi người tôi cũng đã nhẩn, thật mạnh, mười ngón tay xuống một nghìn phím sống, cổ tạo, cho nghe mình, những tiếng động tư hữu. Nhưng, như một mạch ngầm không bao giờ hoàn toàn lấp kín, tiếng sóng biển tuổi mười ba đêm ấy, vẫn ri rào dấy động trong tôi. Sau một cánh cửa khép hờ. Cửa tiềm thức. Từ một lung linh sao xuyên, và chớp nháy và xa dạt không cùng. Cửa vô thức. Le lối dấy xâu một điểm lân tinh. Quanh quất trong hồn một lời sóng cũ. Bài thơ gọi tuổi nhỏ mất của Xuân Diệu, tôi không yêu nữa mà là những lời thơ về đánh hình đời bằng hình ảnh biển, của Tô Thùy Yên:

Biển hàm tiếu là tả

Từng cánh sóng mệnh mang

Cõi đời cao lớn thế.

Người vira kích thước chẳng.

Đêm ngày xưa, nghe tiếng sóng dần. Phút thức giấc, ánh đèn lay tạt. Tiềm thức và vô cùng. Hữu hạn và vô tận. Cẩn gác cũ của một tuổi nào. Những hàm tiếu, những mẩn khai và những phai tàn là tả. Đứa nhỏ năm một mình. Đêm mệnh mông, và đêm bí mật. Cái eam giác lạ lùng. Nỗi kinh hoàng vô có. Con mắt lớn mở vào đêm tối. Một tiếng sóng bỗng nghe. Một tiếng đời bỗng khác. Nghĩ về tuổi nhỏ, đêm thứ nhất và tiếng sóng đều lại trở lại trong tôi. Trăm trăm vang động. Tôi vẫn nghĩ rằng, bằng một nửa phần, bằng một phần tư, phần trăm, phần nghìn, phần triệu nào của một cái thấy, từ một tiếng động kia, mà từ đêm nghe biển ấy, những tuổi hồng trong, tôi đã hết.

tôi đi ăn giỗ

(Tiếp theo trang 5)

Bọn chúng tôi không là phường tuồng
Từ đồng quê tới tận phố phường
Chúng tôi dạy các em nhỏ hát
Những bài ca đậm tình quê hương

Chúng tôi nằm trong lòng dân tộc
Chúng tôi đã cười và đã khóc
Cười khi nghe chiến thắng oai hùng
Khóc bởi dân mình còn tang tóc

Rồi chàng ngâm thơ Hà Huyền Chi
Khi buồn, buồn như gái lỡ thì
Khi mạnh, như thác xô ghềnh đá
Khi cao vút, khi dài lê thê

Lời thơ tưởng giải được bức tức
Nào ngờ Nhất Tuấn còn ăm ứ
Đứng lên «bại bại» đời đi về
Đại tá Tiên van nài muốn chết.

Bỗng thấy ông già Nguyễn Mạnh Côn
Bước ra, giọng nói, rất ôn tồn
Ông mở óc những người nghệ sĩ
Eo ơi! Ốc họ toàn giấy đồn!

Giấy đồn reo lên tình tình tình
Thành lời ca, nét nhạc, câu văn
Ông đồng ý cùng Phó Tổng Thống
Nhưng không đồng ý cùng Tướng Minh

Thiếu Tướng Minh lại bước lên đài
Miệng ông chúm chím, râu ông cười
Ông yêu cầu các văn nghệ sĩ
Nhích lại gần ông, nhích chút thôi

Nhích gần nhau một phần, một ly
Ắt là thông cảm ngay tức thì.
Mặc dầu lời ông rất thành khẩn
Mặt anh em vẫn nặng như chì.

Phó Tổng Thống Kỳ lại đứng lên
Yêu cầu xi xóa cả đôi bên
Cái đẹp văn nghệ thật khó nói
Thôi thì để mặc cho tự nhiên.

Ông yêu tiếng hát của Lê Thu
Bà Kỳ lại mê giọng Khánh Ly
Cừ cãi nhau hoài không thắng bại
(Có thắng chẳng là phía bà Kỳ)

Văn võ bá quan cười hì hã
Không khí văn nghệ được buông thả
Tiếng nhạc bập bùng lại trời lên
Đánh dấu giờ đầu Lưu Kim Cương!

ĐẠI BA ĐÁ

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • GIẤY PHÉP
XUẤT BẢN SỐ 358/BTTTT, NGÀY
26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON •
ĐT : 25863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút

ANH VIỆT

TRẦN VĂN TRỌNG

Thư ký Tòa soạn

VIÊN LINH

Tòa Soạn

TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN
HY VĂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN
NGUYỄN HỮU THỐNG

Minh Họa

NGUYỄN HỮU NHẬT

Trình bày

VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu xin đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở xin đề tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 15đ. mỗi
số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.